

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

LÊ ĐÌNH TĨNH

**CÁC TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH
HOẶC GÂY TÔN HẠI SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

LÊ ĐÌNH TĨNH

**CÁC TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH
HOẶC GÂY TỔN HẠI SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số : 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: GS.TSKH Đào Trí Úc

HÀ NỘI - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Lê Đình Tĩnh

MỤC LỤC

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÁC TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC	8
1.1. Khái niệm các tội có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	8
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về các tội có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	9
1.2.1. Giai đoạn sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến trước năm 1985	9
1.2.2. Giai đoạn từ năm 1985 đến khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999	12
1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 đến nay	14
1.3. Những quy định trong luật hình sự về các tội có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của một số nước trên thế giới	16
1.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga	17
1.3.2. Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	20
1.3.3. Bộ luật hình sự Nhật Bản	21
Chương 2: NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	24
2.1. Những quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội	24

	cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	
2.1.1.	Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999	24
2.1.2.	Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được quy định tại Điều 105 Bộ luật hình sự năm 1999	40
1.1.3.	Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định tại Điều 106 Bộ luật hình sự năm 1999	42
2.2.	Thực tiễn áp dụng các quy định về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác	43
2.2.1.	Những kết quả đạt được trong xét xử các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	44
2.2.2.	Những hạn chế, thiếu sót, vướng mắc trong xét xử các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	52
2.3.	Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót, vướng mắc trong xét xử các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	70
2.3.1.	Nguyên nhân khách quan	70
2.3.2.	Nguyên nhân chủ quan	81
	Chương 3: NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC ÁP DỤNG NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG THÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC	83
3.1.	Sự cần thiết phải hoàn thiện, nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	83
3.2.	Hoàn thiện những quy định pháp luật hình sự Việt Nam về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	83

3.2.1.	Bỏ quy định "khởi tố theo yêu cầu của người bị hại" đối với những vụ án về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	84
3.2.2.	Hoàn thiện quy định về dấu hiệu thuộc mặt khách quan cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	86
3.2.3.	Hoàn thiện quy định về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	87
3.2.4.	Hoàn thiện quy định về tình tiết định khung hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	88
3.2.5.	Hoàn thiện quy định về hình phạt và quyết định hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	97
3.3.	Các giải pháp nâng cao hiệu quả việc áp dụng những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác	102
3.3.1.	Tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật	102
3.3.2.	Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác	103
	KẾT LUẬN	104
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	107

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật Hình sự
TAND	: Tòa án nhân dân
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
TNHS	: Trách nhiệm hình sự

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1	Số liệu vụ án cố ý gây thương tích trong phạm vi toàn quốc từ năm 2009 đến năm 2013	45
3.1	Đề xuất hình phạt về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại Điều 104 so với Điều 143 BLHS	99

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Theo quy định của Điều 71 Hiến pháp năm 1992 thì "Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm" [17]. Như vậy, có thể nói quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm là quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp ghi nhận và bảo vệ.

Trong những năm qua, các cơ quan bảo vệ pháp luật đã tích cực đấu tranh ngăn chặn các hành vi phạm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người nói chung và các hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác nói riêng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật hình sự về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác cho thấy, còn có nhiều bất cập, vướng mắc, nhiều vụ án việc định tội rất phức tạp, dễ dẫn đến xét xử oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm. Quy định của pháp luật hình sự về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác còn chưa thống nhất, chưa phù hợp với thực tiễn. Vì vậy, việc nghiên cứu sâu sắc những vấn đề lý luận các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác và thực trạng quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm này trong thực tiễn không những có ý nghĩa lý luận - thực tiễn và pháp lý quan trọng, mà còn là vấn đề mang tính cấp thiết. Đây cũng là lý do luận chứng cho việc tác giả quyết định chọn đề tài "*Các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong luật hình sự Việt Nam*" làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu

* *Tình hình nghiên cứu trong nước*

Ở Việt Nam, cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác, mà chỉ

có một số công trình nghiên cứu về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người nói chung. Trước tiên, đó là công trình nghiên cứu của GS.TSKH Lê Cẩm: *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự (Phần các tội phạm)*, tập 1 Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, Nxb thành phố Hồ Chí Minh; ThS. Đinh Văn Quế: *Trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người*, Nxb Công an nhân dân, 1994), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người*, Nxb Chính trị quốc gia, 1997 (tái bản 1999).

Ngoài ra, có các bài trên tạp chí Tòa án nhân dân (TAND), cụ thể như sau:

An Văn Khoái, "*N phạm tội cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng*", Tạp chí TAND, số 3, năm 2011;

Phan Văn Quân: "*Lê Hữu N phạm tội cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo khoản 1 Điều 106 Bộ luật Hình sự*", Tạp chí TAND, số 3, năm 2011;

Lê Văn Súa: "*Lê Hữu N phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Bộ luật Hình sự*", Tạp chí TAND, số 7, năm 2011...

Tuy nhiên, tất cả những nghiên cứu trên đây của các tác giả cho thấy các công trình này mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người nói chung, mà chưa có công trình nào nghiên cứu các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học. Mặt khác, cũng chưa có công trình nghiên cứu nào hệ thống hóa các vấn đề lý luận về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác, nghiên cứu tổng thể lịch sử hình thành và phát triển của các quy phạm về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác từ thời kỳ trước cách mạng tháng 8 đến nay, tổng kết đánh giá thực tiễn áp dụng, cũng như chỉ ra các tồn tại, vướng mắc trong thực tế để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng chúng nên rõ ràng vấn đề này có tính thời sự cao.

*** Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài**

Nghiên cứu pháp luật một số nước cho thấy, không có các công trình nghiên cứu chuyên biệt về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác (Causing injury intentionally), mà chỉ có một số công trình nghiên cứu về pháp luật hình sự nói chung như cuốn *Tội phạm học*, của Larry J. Siegel, giáo sư Đại of Massachusetts-Lowell, Nhà xuất bản Cengage Learning; 11 edition (April 14, 2011); cuốn *Luật hình sự*, của John C. Klotter, Nhà xuất bản Routledge; (tái bản lần 10, ngày 15 tháng 9 năm 2014); Cuốn *Hệ thống tư pháp hình sự Mỹ* của by George F. Cole và Christopher E. Smith, nhà xuất bản Cengage Learning (tái bản lần thứ 13 edition ngày 21 tháng 1 năm 2012). Có những công trình nghiên cứu tổng thể có chứa đựng những nghiên cứu cụ thể về loại tội phạm cố ý gây thương tích như *Cuốn Thực tiễn hình sự*, của Blackstone 2012, Nhà xuất bản đại học Oxford, 2011, *Cuốn Trách nhiệm hình sự bang Victoria*, xuất bản tại Melbourne của Trường đại học Luật bang Victoria...

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã phân tích về lý luận cũng như thực tiễn của pháp luật hình sự của từng nước. Tuy nhiên, tác giả chưa tìm thấy công trình nghiên cứu nào riêng về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi và thời gian nghiên cứu của luận án

*** Mục đích nghiên cứu**

Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ một cách có hệ thống về mặt lý luận những quy định về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác theo luật hình sự Việt Nam và việc áp dụng quy định này trong thực tiễn, từ đó xác định những bất cập để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả việc áp dụng những quy định Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999 về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác.

**** Nhiệm vụ nghiên cứu***

Để đạt được mục tiêu trên, trong quá trình thực hiện đề tài tác giả luận văn đặt cho mình các nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu sau:

- Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử phát triển của các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong luật hình sự Việt Nam từ thời kỳ trước Cách mạng tháng 8 cho đến nay, phân tích khái niệm các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác, từ đó làm sáng tỏ các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội phạm này trong BLHS năm 1999. Do đó, đặt ra yêu cầu hoàn thiện những quy định BLHS năm 1999 về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác.

- Nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng những quy định BLHS năm 1999 về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong thực tiễn, đồng thời phân tích những tồn tại xung quanh thực tiễn áp dụng.

- Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp cụ thể trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm này ở nước ta hiện nay.

**** Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận chung và thực tiễn áp dụng về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác cụ thể là: khái niệm các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác và ý nghĩa của việc quy định tội phạm này trong luật hình sự Việt Nam; Mặt chủ quan, mặt khách quan, khách thể, chủ thể, trách nhiệm hình sự (TNHS)...

**** Phạm vi và thời gian nghiên cứu***

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong luật hình sự, gồm Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104 BLHS năm 1999), Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 105),

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Trong phạm vi của luận văn không nghiên cứu lý luận và thực tiễn về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 107) vì chủ thể của tội này là chủ thể đặc biệt, do tính chất đặc biệt của hoàn cảnh phạm tội là "trong khi thi hành công vụ" và tội danh không thể hiện rõ tính chất của loại tội phạm được phản ánh là tội cố ý hay vô ý; khác biệt so với nhóm tội mà tác giả nghiên cứu. Đồng thời, luận văn cũng có đề cập đến một số quy phạm của luật tố tụng hình sự nhằm hỗ trợ cho việc giải quyết nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu.

Về thời gian, luận án nghiên cứu thực tiễn xét xử về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong giai đoạn từ năm 2009 - 2013.

4. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận án là dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về đấu tranh phòng, chống về tội phạm nói chung, quan điểm của Đảng và Nhà nước về đấu tranh chống tội phạm trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền tại Việt Nam.

Đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học luật hình sự và tội phạm học như: phương pháp thống kê hình sự, phương pháp phân tích và so sánh, phương pháp tổng hợp... Ngoài ra, còn một số phương pháp khác cũng được áp dụng như: phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp chuyên gia và những số liệu thống kê, tổng kết hằng năm trong các báo cáo của ngành TAND và Viện kiểm sát nhân dân tối cao và địa phương và các tài liệu vụ án hình sự trong thực tiễn xét xử, cũng như thông tin trên mạng internet...

Trong quá trình nghiên cứu các phương pháp này được vận dụng một cách linh hoạt và đan xen lẫn nhau để tạo ra kết quả nghiên cứu.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

Lần đầu tiên nghiên cứu một cách tương đối có hệ thống và toàn diện dưới góc độ pháp luật hình sự về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác, đồng thời đã đưa ra các giải pháp cụ thể trong việc đấu tranh phòng, chống hiệu quả đối với nhóm tội phạm này.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Trong phạm vi của mình, đề tài là một công trình nghiên cứu vừa có ý nghĩa về mặt lý luận, vừa có ý nghĩa về mặt thực tiễn đối với cuộc đấu tranh phòng, chống các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam.

- *Về mặt lý luận*: đề tài góp phần hoàn thiện nội dung quy định của Điều 104 đến 106 BLHS (về nhóm các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác) năm 1999, đồng thời nó có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự.

- *Về mặt thực tiễn*: những đề xuất giải pháp nêu trong luận văn sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Đồng thời cũng đưa ra các kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở khía cạnh lập pháp, cũng như việc áp dụng chúng trong thực tiễn. Ngoài ra, đề tài có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các lực lượng tham gia phòng, chống loại tội phạm này ở Việt Nam.

Ngoài ra, luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo lý luận cần thiết cho các nhà khoa học-luật gia, cán bộ thực tiễn và các sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành tư pháp hình sự, cũng như phục vụ cho công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự trong việc đấu tranh phòng và chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội ở nước ta hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Chương 2: Những quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Nâng cao hiệu quả việc áp dụng những quy định Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG
VỀ CÁC TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI
CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

1.1. KHÁI NIỆM CÁC TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

Hiện nay, BLHS Việt Nam không định nghĩa như thế nào là tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tuy nhiên trong khoa học pháp lý hình sự có nhiều cách định nghĩa khác nhau về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Cách định nghĩa thứ nhất - TS Phạm Văn Beo cho rằng: "Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi cố ý gây tổn hại cho sức khỏe người khác dưới dạng thương tích hoặc tổn thương khác" [1], cách định nghĩa thứ hai cho rằng: "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi của một người cố ý làm cho người khác bị thương hoặc tổn hại đến sức khỏe" [14, tr. 137].

Theo quan điểm của chúng tôi, các cách định nghĩa trên vẫn còn những điểm chưa thực sự phù hợp bởi lẽ các cách định nghĩa này đều không đề cập đến năng lực TNHS, dấu hiệu độ tuổi chịu TNHS, cũng như tính trái pháp luật của hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Bởi vậy trên cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý quy định tại khoản 1 Điều 8 BLHS:

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã

hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa [18].

Trên cơ sở phân tích, đánh giá các định nghĩa khác nhau về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chúng tôi đưa ra khái niệm mới về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác như sau: *Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi cố ý gây ra thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, do người có năng lực TNHS thực hiện và đủ tuổi chịu TNHS theo quy định của BLHS.*

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thực chất là hai tội được ghi trong cùng một điều luật, tuy nhiên do hành vi và hậu quả của chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau cho nên hai loại tội này được các nhà làm luật xếp vào cùng một điều luật - đó là tội gây thương tích cho người khác và tội gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Như vậy, có thể hiểu "tội cố ý gây thương tích" có dấu hiệu bắt buộc là phải có hậu quả thương tích, là vết thương để lại trên cơ thể con người; tội cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải có hậu quả xảy ra làm tổn hại các chức năng, bộ phận trên cơ thể của con người (ví dụ: làm rối loạn hệ tuần hoàn, rối loạn hệ tiêu hóa...).

1.2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC QUY PHẠM PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

1.2.1. Giai đoạn sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến trước năm 1985

Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền nhân dân non trẻ mới được thành lập phải đối mặt với những khó khăn vật chất. Trước tình hình đó nhân dân ta phải đối mặt với ba nhiệm vụ lớn là tiêu diệt giặc đói, giặc dốt và

giặc ngoại xâm. Vì vậy, sau ngày Hồ Chủ tịch đọc bản Tuyên ngôn độc lập, Nhà nước ta đã ban hành hàng loạt các văn bản pháp luật hình sự để tạo cơ sở pháp lý cho việc trấn áp tội phạm bằng các sắc lệnh trên các lĩnh vực như trừng trị phản động, âm mưu hành động phản quốc, sắc lệnh quy định về trốn tránh nghĩa vụ, sắc lệnh về phòng, chống các tội phạm cụ thể như hành vi trộm cắp, phá hủy...

Tuy nhiên, trong tình hình cấp bách, các văn bản pháp luật nói chung cũng như các văn bản pháp luật hình sự nói riêng mới ban hành không thể đủ để điều chỉnh các quan hệ xã hội đa dạng. Vì thế ngày 10/10/1945, Nhà nước đã ban hành Sắc lệnh số 47/SL tạm thời giữ lại các luật lệ cũ không mâu thuẫn với chế độ mới, không trái với nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trong đó có Luật hình An Nam, Hoàng Việt hình luật và Hình luật pháp tu chính.

Mặc dù thời gian không nhiều, lại phải đối mặt với rất nhiều khó khăn nhưng Nhà nước ta trong thời kì này đã thể hiện một sự tiến bộ đáng kể so với Nhà nước phong kiến tồn tại lâu dài trước đó trong công tác lập pháp hình sự. Với sự cố gắng đó pháp luật hình sự đã trở thành công cụ đặc lực của chính quyền dân chủ nhân dân trong công cuộc củng cố lực lượng, trấn áp tội phạm.

Trong chế độ ta thì con người luôn được xác định là vốn quý nhất, chính vì vậy, ngay từ những ngày đầu tiên sau khi miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, Chính phủ đã ban hành Thông tư số 442-TTg ngày 19/01/1955 của Thủ tướng Chính phủ chính thức quy định tội cố ý gây thương tích. Cụ thể là, tại điểm 3 của thông tư có quy định: "Đánh bị thương phạt tù từ 3 tháng đến 5 năm"; "đánh bị thương có tổ chức hay gây thành cố tật, hay gây chết người có thể phạt đến 20 năm" [28]. Quy định trên được áp dụng ở miền Bắc từ năm 1955 đến năm 1976. Thông tư đã đưa ra được ba tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, đó là "có tổ chức", "gây thành cố tật" hoặc "gây

chết người". Điều này thể hiện bước tiến bộ về kỹ thuật lập pháp hình sự của nước ta. Tuy nhiên, thông tư này chưa đưa ra được khái niệm "đánh bị thương", cũng như chưa làm rõ được trường hợp đánh bị thương dẫn đến chết người với trường hợp giết người.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, để đảm bảo an ninh trật tự và đáp ứng yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ban hành Sắc luật số 03-SL/76 ngày 15/3/1976 quy định về tội phạm và hình phạt với 7 loại tội phạm, trong đó có quy định về tội cố ý gây thương tích. Tại điểm b điều 5 Sắc luật số 03-SL/76 quy định: "Phạm tội cố ý gây thương tích thì bị phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm, trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù đến 20 năm".

Ngày 02/7/1976 Quốc hội chính thức đổi tên nước ta thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, pháp luật được áp dụng chung cho cả nước. Do vậy, để giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích, chúng ta chủ yếu áp dụng điểm b Điều 5 Sắc luật số 03-SL/76 nói trên cho đến trước khi BLHS 1985 ra đời.

Thể chế hóa văn bản trên, hàng năm Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) vẫn tổng kết, hướng dẫn các cơ quan bảo vệ pháp luật để các cơ quan này thực hiện tốt chức năng xét xử của mình.

Ngày 27/6/1985 là thời điểm đánh dấu bước chuyển biến mang tính lịch sử, đánh dấu thời điểm quan trọng trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam. Đây là ngày mà Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII kỳ họp thứ 9 thông qua BLHS Việt Nam đầu tiên. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người đã được quy định tại chương II ngay sau chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Điều này, một lần nữa lại minh chứng cho sự coi trọng của Nhà nước ta đối với quyền được bảo hộ về sức khỏe của công dân. Trong BLHS 1985, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 109

bao gồm 4 khung hình phạt và trong mỗi khung thì có mức hình phạt tương ứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, trong đó, mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội này là 20 năm tù. Điều 109 BLHS năm 1985 quy định về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác như sau:

1- Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

2- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Gây thương tích nặng hoặc gây tổn hại nặng cho sức khỏe của người khác;

b) Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;

c) Có tính chất côn đồn hoặc tái phạm nguy hiểm;

3- Phạm tội gây cố tật nặng dẫn đến chết người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác thì bị phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm.

4- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định ở điểm a khoản 2, ở khoản 3 Điều này mà do bị kích động mạnh vì hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân hoặc trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm [15].

1.2.2. Giai đoạn từ năm 1985 đến khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

Bộ luật hình sự năm 1985 là bộ luật đầu tiên của Nhà nước chúng ta dựa trên sự kế thừa và phát triển những thành tựu của pháp luật hình sự Việt

Nam đồng thời tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm lập pháp hình sự tiên tiến của các nước trên thế giới, thể hiện được bản chất nhân văn, nhân đạo xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở pháp lý có hiệu quả cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đây là bước ngoặt rất quan trọng trong lịch sử pháp luật hình sự nước ta. Lần đầu tiên, các chế định của phần chung pháp luật hình sự được định nghĩa một cách khái quát trong luật.

Tuy nhiên, BLHS năm 1985 ra đời trong bối cảnh điều kiện đất nước có những đặc trưng là cần bảo vệ nền kinh tế bao cấp chủ yếu dựa trên hai hình thức sở hữu: Nhà nước và tập thể theo cơ chế bao cấp. Vì thế, từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới do Đại hội VI đề ra BLHS đã dần biểu hiện những bất cập, hạn chế như Điều 109 quy định về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhưng nhà làm luật lại đưa nhiều hành vi phạm tội với tính chất và mức độ nguy hiểm khác nhau vào trong cùng một điều luật. Hơn nữa, Điều 109 chỉ nêu tên tội danh mà không mô tả các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm, các điểm khoản quy định còn chung chung, trừu tượng, ví dụ như điểm a khoản 2 Điều 109 quy định "Gây thương tích nặng hoặc gây tổn hại nặng cho sức khỏe của người khác", mà không giải thích rõ thế nào là thương tích nặng, tổn hại nặng... Do vậy, việc áp dụng pháp luật cho các cơ quan tố tụng gặp nhiều khó khăn. Để hướng dẫn thi hành điều luật này, TANDTC đã có nhiều văn bản hướng dẫn như nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định phần các tội phạm của BLHS; công văn số 03-TATC ngày 22/10/1987 của TANDTC hướng dẫn thực hiện Điều 109 BLHS; công văn số 311/HS ngày 04/4/1989 của TANDTC về việc xác định tỷ lệ thương tật của người bị thương tích; nghị quyết số 01-89/HĐTP ngày 12/4/1989 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn việc bổ sung áp dụng một số quy định của BLHS; Công văn số 140/1998/KHXX của TANDTC về việc hướng dẫn áp dụng Điều 109.

Mặc dù đã có nhiều văn bản hướng dẫn như vậy, nhưng do các trường hợp phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả khác nhau, nhưng lại được quy định trong một điều luật, vì vậy, khi áp dụng hình phạt, khó thể hiện được sự phân hóa TNHS, dẫn đến việc áp dụng ở các địa phương khác nhau.

Để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, BLHS năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung 4 lần (tháng 12/1989, tháng 8/1991, tháng 12/1992 và tháng 5/1997). Tuy nhiên, cả 4 lần sửa đổi đều tập trung vào việc đảm bảo chặt chẽ hơn các quy định về định tội và hình phạt. Chẳng hạn, lần sửa đổi bổ sung thứ nhất bổ sung các quy định về mức phạt tiền, quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, quy định về án treo... Mặc dù lần sửa đổi bổ sung lần thứ 4 đã đề cập được những vấn đề mang tính thời sự, cấp thiết, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới nhưng vẫn còn mang tính bộ phận, chỉ đáp ứng được các yêu cầu bức xúc, thời sự trước tình hình tội phạm có chiều hướng gia tăng trong điều kiện xã hội đang chuyển đổi cơ chế, cái cũ mất đi hoặc được thay thế, cái mới ra đời và chưa vững chắc, nhiều quy định của Bộ luật không còn phù hợp (trong đó có Điều 109). Yêu cầu đổi mới mọi mặt của đời sống xã hội đặt ra nhiệm vụ xem xét để sửa đổi bổ sung Bộ luật này một cách cơ bản, toàn diện, nhằm kịp thời thể chế hóa chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn cách mạng mới, bảo đảm hiệu quả cao của cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, góp phần đắc lực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình đất nước đổi mới và hội nhập, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận thức và áp dụng BLHS một cách thống nhất. Đó là những đòi hỏi có tính chất khách quan cho sự ra đời của BLHS năm 1999.

1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 đến nay

Bộ luật hình sự năm 1999 đã thể chế hóa những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước trong giai đoạn mới. Đặc trưng cơ bản của pháp luật hình sự trong giai đoạn này thể hiện trong BLHS năm 1999 là:

Điều chỉnh tối đa về mặt lập pháp những chế định cơ bản, quan trọng của luật hình sự; phân hóa triệt để TNHS và hình phạt; nêu cao tinh thần nhân đạo của luật hình sự. BLHS 1999 có nhiều nội dung mới so với BLHS 1985 được thể hiện cả ở phần chung và phần các tội phạm, thể hiện rõ những điểm mới trong chính sách hình sự của Nhà nước ta nói chung, đối với tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người nói chung. BLHS 1999 đã tách tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 109 BLHS năm 1985 thành 3 tội và được quy định thành ba điều luật khác nhau:

- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 104;
- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh quy định tại Điều 105.
- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định tại Điều 106.

Bằng việc tách biệt thành ba tội khác nhau, nhà làm luật đã xây dựng chính xác các cấu thành tội phạm cơ bản, bổ sung các tình tiết định khung hình phạt, phân định rõ TNHS và xác định chính xác mức hình phạt tương ứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của từng hành vi.

Đồng thời, nếu điều 109 BLHS năm 1985 là quy định giản đơn, thì ngược lại các Điều 104, 105, 106 BLHS 1999 là quy định mô tả, điều luật vừa nêu tên tội, vừa mô tả các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của nó trong điều luật. Khoản 1 Điều 104 quy định "tỉ lệ thương tật" và 10 tình tiết từ điểm a đến điểm k làm yếu tố định khung và định tội, trong đó tỉ lệ thương tật giữ vai trò quyết định. Ngoài ra BLHS 1999 còn bổ sung một số tình tiết tăng nặng định khung hình phạt tại Điều 104 như sau:

- Đối với trẻ em hoặc người chưa thành niên (điểm d khoản 1 Điều 104).
- Đối với ông, bà, cha, mẹ, cô giáo của mình (điểm đ khoản 1 Điều 104)

- Thuê người khác phạm tội hoặc phạm tội thuê (điểm h khoản 1 Điều 104)
- Đối với những người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân (điểm k khoản 1 Điều 104).

Về hình phạt của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác: Như chúng ta đã biết, tại BLHS năm 1985 hình phạt tù tối đa đến 20 năm, thì nay, trong BLHS năm 1999 đã tăng lên mức tù chung thân. Việc tăng nặng hình phạt nhằm mục đích phát huy tốt hơn nữa tác dụng của hình phạt nói chung và chính sách hình sự nói riêng. Bởi vì, ở nước ta, sức khỏe con người luôn được Nhà nước tôn trọng và bảo vệ. Mặt khác, quyền được bảo hộ về sức khỏe của công dân còn được ghi nhận tại Điều 71 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: "Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm" [17]. Tuy nhiên, pháp luật của nước ta được xây dựng trên nguyên tắc pháp chế, công bằng và nhân đạo nên về tội này không có hình phạt tử hình (mức hình phạt cao nhất là chung thân).

Trên đây chỉ là một vài nội dung khái quát về quá trình lập pháp hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Để tìm hiểu rõ xem nội dung của tội cố ý gây thương tích được quy định ra sao, hành vi nào bị coi là tội phạm và những chế tài cụ thể của nó, chúng ta cần tìm hiểu về khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội phạm này.

1.3. NHỮNG QUY ĐỊNH TRONG LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Bộ luật hình sự năm 1999 được Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1999 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2000, là công cụ sắc bén của Nhà nước, của nhân dân, đã phát huy vai trò, tác dụng to lớn trong công cuộc bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ

quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Quá trình sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện BLHS năm 1999 là một quá trình nghiên cứu khoa học lâu dài, vừa rút kinh nghiệm từ thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam, vừa tiếp thu những tinh hoa pháp luật tiên tiến trên thế giới để vận dụng cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời phù hợp với xu thế phát triển chung của pháp luật quốc tế.

Trước tình hình tội phạm ngày một gia tăng, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người diễn ra nghiêm trọng và phức tạp. Đặc biệt trong khoảng thời gian năm năm trở về đây, loại tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoạt động quy mô và trắng trợn hơn, mang tính chất ổ nhóm, xã hội đen, đâm thuê chém mướn... Để góp phần vào việc đấu tranh, phòng, chống tội phạm nói chung và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng, nâng cao sự hiểu biết của những người tiến hành tố tụng về các quy định của loại tội phạm này trong quá trình lập pháp của các nước trên thế giới. Với mục đích nhìn nhận thật khách quan và toàn diện đối với loại tội này, chúng tôi sẽ tìm hiểu các quy định về loại tội này trong pháp luật hình sự của một số nước trên Nga - Trung Quốc và Nhật Bản, rút ra những giá trị lập pháp hợp lý, tiến bộ có thể được áp dụng một cách có chọn lọc ở Việt Nam.

1.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga

Bộ luật hình sự của Liên bang Nga được quốc gia Nga thông qua ngày 24/05/1996 và có hiệu lực từ ngày 01/01/1997. Bộ luật có 34 chương, 361 điều, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người được quy định tại chương 16 từ Điều 105 đến Điều 125, trong đó, các tội cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 111, Điều 112 và Điều 115:

Điều 111 quy định về tội cố ý gây tổn hại nặng cho sức khỏe như sau:

1. Cố ý gây tổn hại nặng cho sức khỏe, nguy hiểm đến tính mạng hay làm mất mắt, miệng, tai hay cơ quan nào đó hoặc làm mất chức năng của cơ quan đó hay làm biến dạng khuôn mặt không sửa được, cũng như gây tổn hại cho sức khỏe nguy hiểm đến tính mạng hay làm suy giảm sức khỏe, làm mất đáng kể vĩnh viễn khả năng lao động nghề nghiệp hoặc gây trụ thai, gây rối loạn tâm thần, gây nghiện ma túy hoặc bị nhiễm độc, *thì bị phạt tù từ hai năm đến tám năm.*

2. Cũng hành vi đó, nếu được thực hiện:

a) Đối với người hoặc người thân thích của người đó liên quan đến việc thực hiện công vụ hoặc nghĩa vụ xã hội của người này.

b) Một cách đặc biệt tàn ác, nhạo báng hoặc gây đau đớn cho nạn nhân.

c) Bằng phương pháp nguy hiểm cho mọi người

d) Vì động cơ côn đồ

đ) Vì động cơ hận thù dân tộc, tôn giáo hoặc huyết thống;

e) Với mục đích sử dụng cơ quan hoặc mô của cơ thể nạn nhân;

g) Do làm thuê, *thì bị phạt tù từ 3 năm đến 10 năm*

3. Những hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu:

a) Do một nhóm người, một nhóm người có thỏa thuận trước hoặc một nhóm người có tổ chức thực hiện;

b) Được thực hiện đối với từ hai người trở lên;

c) Được thực hiện nhiều lần hoặc do người trước đây đã phạm tội giết người theo quy định tại Điều 105 của Bộ luật này thực hiện, *thì bị phạt tù từ năm năm đến 12 năm.*

4. Những hành vi quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, nếu vô ý làm chết nạn nhân, *thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm [37].*

Điều 112 quy định về tội cố ý gây tổn hại nặng vừa cho sức khỏe như sau:

1. Cố ý gây tổn hại nặng vừa cho sức khỏe không nguy hiểm đến tính mạng và không gây ra hậu quả quy định tại Điều 111 Bộ luật này, nhưng làm suy giảm sức khỏe lâu dài hay làm mất đáng kể vĩnh viễn khả năng lao động chung với tỷ lệ dưới 1/3, thì bị phạt giam từ ba tháng đến sáu tháng hoặc bị phạt tù đến 3 năm.

2. Cũng hành vi đó, nếu:

a) Được thực hiện đối với hai người trở lên;

b) Được thực hiện đối với người hoặc người thân thích của người đó liên quan đến việc thực hiện công vụ hoặc nghĩa vụ xã hội của người này;

c) Do một nhóm người, một nhóm người có thỏa thuận trước hoặc một nhóm người có tổ chức thực hiện;

d) Được thực hiện một cách đặc biệt tàn ác, nhục mạ hoặc gây đau đớn cho nạn nhân;

đ) Được thực hiện vì động cơ côn đồ;

e) Được thực hiện vì động cơ hận thù dân tộc, chủng tộc, tôn giáo, hoặc huyết thống;

g) Được thực hiện nhiều lần hoặc do người trước đây đã phạm tội cố ý gây tổn hại nặng cho sức khỏe hoặc giết người theo quy định tại Điều 105 Bộ luật này thực hiện thì bị phạt tù đến năm năm [37].

Điều 115 quy định về tội cố ý gây tổn hại nhẹ cho sức khỏe như sau:

Cố ý gây tổn hại nhẹ cho sức khỏe, làm suy giảm sức khỏe trong thời gian ngắn hay làm mất vĩnh viễn không đáng kể khả năng lao động chung, thì bị phạt tiền từ năm mươi lần đến một trăm lần mức thu nhập tối thiểu hay mức lương hay thu nhập khác của người bị kết án trong thời gian đến một tháng, hoặc bị phạt lao động bắt

buộc từ một trăm tám mươi giờ đến hai trăm bốn mươi giờ hoặc bị phạt lao động cải tạo đến một năm hoặc bị phạt giam từ hai tháng đến bốn tháng [37].

So sánh quy định trong ba điều luật trên với quy định tương ứng trong BLHS năm 1999 của nước ta cho thấy, mức hình phạt đối với tội này trong BLHS Liên bang Nga thấp hơn mức hình phạt được quy định trong BLHS năm 1999 của nước ta. Cụ thể khoản 4 của Điều 111 của BLHS Nga, trong trường hợp nếu vô ý làm chết nạn nhân thì mức hình phạt cao nhất mới chỉ là 15 năm. Trong khi đó, tại khoản 4 của Điều 104 BLHS năm 1999 thì mức cao nhất của khung hình phạt là tù chung thân.

Điểm đáng chú ý của BLHS Liên bang Nga là Bộ luật này chia tội cố ý gây tổn hại cho sức khỏe thành ba loại ở những mức khác nhau: tổn hại nặng cho sức khỏe (Điều 111); tổn hại nặng vừa cho sức khỏe (Điều 112) và gây tổn hại nhẹ cho sức khỏe (Điều 115). Mỗi điều luật lại có sự giải thích chi tiết, như thế nào là cố ý gây tổn hại nặng; thế nào là cố ý gây tổn hại nặng vừa và thế nào được coi là tổn hại nhẹ. Việc phân chia và nêu rõ khái niệm này đã tạo thuận lợi nhất định cho việc áp dụng pháp luật.

1.3.2. Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa bao gồm hai phần: Phần chung và phần các tội phạm. Phần các tội phạm có 10 chương 452 điều, trong đó có 3 điều cuối cùng mang tính giải thích. Các tội xâm phạm quyền tự do thân thể, quyền dân chủ của công dân được quy định tại chương IV từ Điều 232 đến Điều 262 của Bộ luật. Tội "cố ý gây thương tích" được quy định tại Điều 234 của Bộ luật với nội dung như sau:

Người nào cố ý gây thương tích cho người khác, thì bị phạt tù đến 03 năm, cải tạo lao động hoặc quản chế.

Người nào phạm tội nói trên, dẫn đến làm người khác bị thương tích nặng, thì bị phạt tù từ 3 năm đến 10 năm; nếu dẫn đến

chết người hoặc có những thủ đoạn tàn nhẫn làm trọng thương người khác dẫn đến tàn tật, thì bị phạt tù từ 10 năm trở lên, tù chung thân hoặc tử hình. Nếu Bộ luật này có quy định riêng thì xử theo quy định đó [11].

Theo như quy định trên về tội cố ý gây thương tích của Trung Quốc, chúng ta thấy điều luật quy định còn chung chung đơn giản, chưa khái quát, không quy định rõ các điểm trong điều khoản. Tuy nhiên mức hình phạt nặng nhất trong tội này có hình phạt là tử hình (BLHS năm 1999 của Việt Nam, mức hình phạt cao nhất của tội này là tù chung thân).

1.3.3. Bộ luật hình sự Nhật Bản

Bộ luật hình sự của Nhật Bản bao gồm 40 chương và 263 điều. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người được quy định trong nhiều chương khác nhau. Các tội cố ý gây thương tích được quy định tại chương 27 từ Điều 204 đến 208 của Bộ luật. Cụ thể:

Điều 204 BLHS Nhật bản quy định về tội cố ý gây thương tích như sau: "Người nào gây thương tích cho người khác thì bị phạt tù có lao động bắt buộc đến 10 năm hoặc bị phạt tiền đến ba trăm ngàn Yên hoặc bị phạt tiền về tội hình sự nhỏ" [12].

Theo quy định này, một người nào đó cứ có hành vi gây thương tích cho người khác không kể tỷ lệ thương tật đã gây ra là bao nhiêu thì sẽ bị phạt tù có lao động bắt buộc hoặc là bị phạt tiền mà mức cao nhất có thể đến 300 ngàn Yên)

Điều 205 BLHS Nhật Bản quy định về tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người:

1. Người nào gây thương tích cho người khác mà dẫn đến chết người thì bị phạt tù có lao động bắt buộc từ 2 năm trở lên.
2. Khi tội phạm quy định tại khoản 1 trên đây được thực hiện đối với ông bà của mình hoặc của vợ (hoặc chồng) mình thì bị phạt tù chung thân có lao động bắt buộc từ 3 năm trở lên [12].

Điều 206 quy định về việc xử lý khuyến khích việc gây thương tích:

Người nào có mặt tại nơi xảy ra tội phạm quy định tại Điều 204 và 205 trên đây mà khuyến khích người phạm tội thực hiện tội đó thì bị phạt tù có lao động bắt buộc đến một năm hoặc bị phạt tiền đến một trăm ngàn Yên hoặc bị phạt tiền về tội hình sự nhỏ, thậm chí, bản thân người đó không gây một thương tích nào cho ai cả [12].

Điều 208 BLHS Nhật Bản quy định về việc dùng vũ lực và biện pháp xử lý: "Người nào dùng vũ lực đối với người khác mà không gây thương tích cho họ thì bị phạt tù có lao động bắt buộc đến hai năm hoặc bị phạt tiền đến ba trăm ngàn Yên, bị phạt giam hình sự hoặc bị phạt tiền về tội hình sự nhỏ" [12].

Bên cạnh đó, Bộ luật còn có quy định về việc tụ tập trái phép có chuẩn bị vũ khí nguy hiểm:

1. Hai hoặc nhiều người tụ tập nhằm mục đích cùng nhau giết người hoặc gây thương tích hay gây thiệt hại đến tài sản người khác thì những người tụ tập có chuẩn bị vũ khí nguy hiểm hoặc biết rằng vũ khí nguy hiểm đã được chuẩn bị sẽ bị phạt tù có lao động bắt buộc đến 2 năm hoặc bị phạt tiền đến ba trăm ngàn Yên.

2. Trường hợp quy định tại khoản 1 trên đây, người nào chuẩn bị vũ khí nguy hiểm hoặc biết rằng vũ khí nguy hiểm đã được chuẩn bị mà ép buộc người khác tụ tập thì bị phạt tù có lao động bắt buộc đến ba năm [12].

Như vậy, quy định của BLHS Nhật Bản cũng không quá cao, mức hình phạt nặng nhất cũng là tù chung thân, tương ứng với mức hình phạt cao nhất quy định tại khoản 4 Điều 104 BLHS của Việt Nam. Tuy nhiên, Bộ luật này lại có ưu điểm là điều chỉnh cả những hành vi chuẩn bị phạm tội như tụ tập trái phép có sử dụng vũ khí, hành vi dùng bạo lực.

Tóm lại, việc đối chiếu so sánh quy định Điều 104 BLHS năm 1999 của nước ta với quy định tương ứng trong pháp luật hình sự của một số nước

trên thế giới, chúng ta thấy quy định của Điều 104 BLHS 1999 của nước ta quy định rất cụ thể và tập trung trong một điều luật (của Trung Quốc, quy định chung chung, chưa khái quát. Của Nga và Nhật Bản thì tội này được quy định trong một số điều luật). Việc đối chiếu, so sánh giúp chúng ta tiếp thu những tinh hoa pháp luật tiên tiến trên thế giới, vận dụng trong việc nghiên cứu pháp luật Việt Nam, rút ra những giá trị lập pháp hợp lý, tiến bộ có thể được áp dụng một cách có chọn lọc ở Việt Nam.

Qua việc nghiên cứu một số vấn đề lý luận chung về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của khác cho chúng ta một cái nhìn toàn diện về nhóm tội này, chúng ta hiểu được khái niệm, định nghĩa về các tội cố ý gây thương tích, hiểu được lịch sử hình thành và phát triển các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác từ năm 1945 đến nay. Chúng ta hiểu được những quy định trong luật hình sự về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong luật hình sự một số nước trên thế giới có nhiều ảnh hưởng đến Việt Nam như BLHS Liên bang Nga, BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, BLHS Nhật Bản. Các quy phạm pháp luật về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác qua các thời kỳ của Việt Nam, cũng như các nước trên thế giới quy định về khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan, hình phạt có khác nhau nhưng đều giống nhau ở một điểm nghiêm cấm mọi hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác, bảo vệ tuyệt đối tính mạng, sức khỏe của con người. Với đặc điểm trên, việc đi sâu nghiên cứu các quy phạm hiện tại về nhóm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong luật hình sự Việt Nam để hoàn thiện các quy phạm trên là việc làm cần thiết và có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.

Chương 2

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

2.1.1. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999

Điều 104. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

- a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;
- b) Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân;
- c) Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người;
- d) Đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;
- đ) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;
- e) Có tổ chức;
- g) Trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục;

- h) Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê;
- i) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm;
- k) Đề cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

3. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.

4. Phạm tội dẫn đến chết nhiều người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân [18].

2.1.1.1. Khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Trong khoa học pháp lý cũng như trong thực tiễn các ý kiến đều thống nhất khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại. Trong tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì khách thể trực tiếp chính là sức khỏe con người. Bởi vì con người là chủ thể của hầu hết mọi quan hệ xã hội, khi quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe của con người bị xâm phạm nó làm phá vỡ sự ổn định của các quan hệ xã hội. Do vậy mục tiêu bảo vệ sức khỏe của con người luôn được đặt lên hàng đầu. Cũng vì ý nghĩa đó trong BLHS ngay sau

nhóm tội xâm phạm an ninh quốc gia, nhà làm luật đã quy định nhóm tội về xâm phạm nhân thân. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 104 BLHS có quy định hình phạt nghiêm khắc nhất là chung thân. Điều này khẳng định quyền bảo vệ về sức khỏe của con người là thiêng liêng, cao quý và cần được bảo vệ tuyệt đối. Đồng thời cũng thể hiện thái độ của nhà nước với tội phạm này một cách kiên quyết, bất kỳ ai xâm phạm quyền được bảo vệ sức khỏe của con người đều bị trừng trị thích đáng.

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xâm phạm quyền được bảo vệ sức khỏe của con người thông qua sự tác động làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động. Đối tượng tác động là sức khỏe của trẻ em, người già, phụ nữ có thai, người không có khả năng tự vệ, thì TNHS đối với người phạm tội sẽ nặng hơn. Việc xác định đúng đối tượng tác động của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là vô cùng quan trọng. Bởi lẽ nếu hành vi tác động vào đối tượng không phải con người, không phải người còn sống thì không xâm phạm quyền được bảo vệ về sức khỏe, nên không phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; hoặc có những trường hợp, một cá nhân nào đó tự gây thương tích cho mình vì một lý nào đó (ví dụ để lấy tiền bảo hiểm) thì không thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều 104 BLHS.

2.1.1.2. Mặt khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Mặt khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là những biểu hiện của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan, bao gồm: hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; hậu quả nguy hiểm cho xã hội của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và mối

quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và hậu quả xảy ra trên thực tế.

Trong mặt khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, hành vi khách quan là dấu hiệu cơ bản và quan trọng nhất. Các dấu hiệu khác thuộc mặt khách quan như: hậu quả, mối quan hệ nhân quả, công cụ, phương tiện phạm tội... chỉ có ý nghĩa khi có hành vi khách quan. Hay nói cách khác không thể truy cứu TNHS với người không thực hiện hành vi khách quan.

Hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là những biểu hiện của con người ra bên ngoài thế giới khách quan dưới hình thức cụ thể, có sự kiểm soát và điều khiển bởi ý chí. Những hành vi tuy được biểu hiện ra bên ngoài thế giới khách quan nhưng không được ý thức kiểm soát hoặc tuy được ý thức kiểm soát nhưng không được ý chí điều khiển thì cũng không phải là hành vi khách quan của tội phạm này.

Hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được thực hiện thông qua hành động dùng chân tây đâm, đá, dùng dao kiếm đâm chém... Hành động phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hình thức của hành vi khách quan làm biến đổi tình trạng bình thường đối tượng tác động của tội phạm, xâm phạm đến quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người, qua việc chủ thể của tội phạm làm một việc mà pháp luật cấm.

Hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là những biểu hiện của con người ra ngoài thế giới khách quan có sự kiểm soát của ý thức và điều khiển của ý chí. Đây là điều kiện cần, điều kiện đủ là hành vi đó phải có khả năng gây ra thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác một cách trái pháp luật. Những hành vi này có khả năng gây ra những thương tích nhất định, làm tổn hại đến sức

khỏe của con người. Những hành vi này có thể được thực hiện với công cụ, phương tiện phạm tội (đâm, chém, đầu độc...) hoặc không có công cụ, phương tiện phạm tội (đâm, đá) hoặc có thể thông qua súc vật (thả chó cắn, trâu chém, bò đá)... Đây là những hành vi hành động hoặc không hành động.

Hậu quả do hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chính là thiệt hại do hành vi khách quan gây ra cho quan hệ nhân thân, cho quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người. Thiệt hại này được thể hiện dưới dạng thiệt hại về thể chất - hậu quả gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Việc xác định có hậu quả xảy ra trên thực tế hay không, tính chất, mức độ của hậu quả xảy ra trên thực tế có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không, đảm bảo xét xử đúng người đúng tội và có vai trò quan trọng trong việc quyết định hình phạt.

Về mức độ thương tích phải chịu TNHS: Tỷ lệ thương tích: Là tỷ lệ mất sức lao động vĩnh viễn dựa trên kết quả của giám định pháp y, nhưng trong trường hợp cần thiết có thể dựa trên kết luận của bác sỹ điều trị khi tiếp nhận bệnh nhân.

Về thực tiễn, nếu tỷ lệ thương tật dưới 11%, không gây cố tật thì được coi là thương tích nhẹ, chưa phải chịu TNHS. Tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên là tỷ lệ cần thiết để truy cứu TNHS. Tuy nhiên, có một số trường hợp tỷ lệ thương tật không đến 11% nhưng lại thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 thì hành vi đó vẫn bị truy cứu TNHS. Như vậy, hành vi gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên hoặc dưới 11% nhưng thuộc các trường hợp sau thì cũng phạm tội:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hiểm cho nhiều người

Hung khí nguy hiểm là phương tiện mà người phạm tội dùng vào việc thực hiện tội phạm (như dao, súng, thuốc nổ, axit...), nó có khả năng gây ra nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của con người.

Phương tiện nguy hiểm là công cụ, dụng cụ được chế tạo ra nhằm phục vụ cho cuộc sống của con người (trong sản xuất, trong sinh hoạt) hoặc vật mà người phạm tội chế tạo ra nhằm làm phương tiện thực hiện tội phạm hoặc vật có sẵn trong tự nhiên mà người phạm tội có được và nếu sử dụng công cụ, dụng cụ hoặc vật đó tấn công người khác thì sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe của người bị tấn công (về công cụ, dụng cụ như búa đinh, dao phay, các loại dao sắc nhọn...; về vật mà người phạm tội chế tạo ra như thanh sắt mài nhọn, côn gỗ...; về vật có sẵn trong tự nhiên như gạch, đá, đoạn gậy cứng chắc, thanh sắt...).

Dùng thủ đoạn gây nguy hiểm cho nhiều người là hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người, ví dụ như đổ xăng đốt nhà vào thời điểm mọi thành viên của gia đình người bị hại đang ở nhà làm cho nhiều người bị bỏng nặng hoặc trường hợp người phạm tội sử dụng thuốc ngủ, thuốc mê với liều lượng có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của nạn nhân; đầu độc nạn nhân; nhốt nạn nhân vào nơi nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe; dùng dây chằng qua đường để làm cho nạn nhân đi mô tô, xe máy vấp ngã để gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe cho từ hai người trở lên. Tình tiết này được quy định là tình tiết định khung tăng nặng bởi vì, nó thể hiện sự nham hiểm, độc ác và sự nguy hại lớn cho xã hội hơn hẳn các trường hợp gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe thông thường khác.

b) Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân

Theo nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" được hiểu là hậu quả của hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân gây nên trạng thái bất thường không thể chữa được cho một bộ phận cơ thể của nạn nhân với tỷ lệ thương tật dưới 11% khi thuộc một trong các trường hợp: làm mất một bộ phận cơ thể nạn nhân; làm mất chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm giảm chức năng hoạt động của một bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân.

c) Phạm tội nhiều lần

Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người: phạm tội nhiều lần đối với cùng một người là phạm tội từ hai lần trở lên mà những lần phạm tội trước đó chưa bị xử lý; phạm tội đối với nhiều người là phạm tội đối với từ hai người trở lên trong cùng một lần phạm tội. Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS hướng dẫn rõ tình tiết "phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999:

a) Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người" được hiểu là trường hợp cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của một người từ hai lần trở lên hoặc của hai người trở lên (có thể một lần, có thể nhiều lần đối với mỗi người) và trong các lần đó chưa có lần nào bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc áp dụng tình tiết "phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người" để xét xử bị cáo theo khoản 1, khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự được thực hiện theo hướng dẫn tại các điểm b, c và d tiểu mục 3.2 này.

b) Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự trong các trường hợp sau đây:

b.1) Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của một người từ hai lần trở lên mà mỗi lần tỷ lệ thương tật dưới 11%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả các lần từ 11% trở lên.

Trường hợp trong các lần đó chỉ có một lần tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 11%

thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự.

b.2) Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của hai người trở lên (có thể một lần, có thể nhiều lần đối với mỗi người) mà mỗi lần tỷ lệ thương tật dưới 11%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả các lần từ 11% trở lên.

Trường hợp trong các lần đó chỉ có một người một lần tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 11% thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự.

c) Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự trong các trường hợp sau đây:

c.1) Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của một người từ hai lần trở lên mà có ít nhất hai lần tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%.

Trường hợp trong các lần đó chỉ có một lần tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 31% thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự.

c.2) Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của hai người trở lên (có thể một lần, có thể nhiều lần đối với mỗi người) mà trong đó có ít nhất hai người và mỗi người một lần tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%.

Trường hợp trong các lần đó chỉ có một người một lần tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 31% thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự [32].

d) Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự bảo vệ

Trẻ em trong trường hợp này cần được hiểu là người chưa đủ 16 tuổi (căn cứ vào giấy khai sinh), đây là tình tiết định khung tăng nặng mới được quy định bổ sung trong BLHS, quy định này không những giúp nghiêm trị những kẻ có hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của trẻ em, mà còn đảm bảo thực hiện các quy định của Công ước của liên hiệp quốc về quyền trẻ em ngày 20/11/1989 mà Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn ngày 20/2/1990 về bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

Phụ nữ đang có thai là trường hợp cố ý gây ra thương tích hoặc tổn hại sức khỏe cho người phụ nữ đang mang thai. Việc xác định nạn nhân là phụ nữ có thai hay không, căn cứ vào chứng cứ chứng minh là người phụ nữ đó đang mang thai, như: bị can, bị cáo và mọi người đều nhìn thấy được hoặc bị cáo nghe được, biết được từ các nguồn thông tin khác nhau về người phụ nữ đó đang mang thai. Việc xác định là có thai hay không, phải có kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định; Người già yếu là người từ 60 tuổi trở lên, sinh hoạt, đi lại khó khăn... Người ốm đau là người đang bị bệnh tật có thể đang điều trị ở bệnh viện, ở cơ sở y tế tư nhân hoặc ở tại nhà riêng của họ; Người không có khả năng tự vệ là người do bị khiếm khuyết về thể chất như người bị khuyết tật bẩm sinh hoặc tàn tật do tai nạn (tâm thần, bại liệt, mù lòa, liệt tay chân...) làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi của mình. Những người không có khả năng tự vệ luôn luôn ở trong tình trạng không thể tự vệ được khi bị người khác thực hiện hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của mình [36, tr. 84].

đ) Phạm tội đối với ông bà, cha mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình

Ông bà gồm ông bà nội, ông bà ngoại; cha mẹ là người đã sinh ra người phạm tội; cha mẹ nuôi là người đã nhận người phạm tội làm con nuôi

được pháp luật thừa nhận. Người nuôi dưỡng là người chăm sóc, giáo dục, quản lý như vai trò của bố mẹ đẻ. Thầy cô giáo trong trường hợp này chính là những người đã trực tiếp giảng dạy cho người phạm tội về văn hóa, chuyên môn, nghề nghiệp...

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS thì tình tiết "đối với thầy giáo, cô giáo của mình" quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự để

a) Chỉ áp dụng tình tiết "đối với thầy giáo, cô giáo của mình" quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a.1) Nạn nhân phải là thầy giáo, cô giáo tức là người đã hoặc đang làm công tác giảng dạy theo biên chế hoặc theo hợp đồng tại cơ quan, tổ chức có chức năng giáo dục, đào tạo, dạy nghề được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

a.2) Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân là vì lý do thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, dạy nghề của họ đối với bị cáo, không phân biệt nhiệm vụ đó đã được thực hiện hay đang được thực hiện và không kể thời gian dài hay ngắn;

a.3) Tỷ lệ thương tật của nạn nhân dưới 11%.

b) Chỉ áp dụng tình tiết "đối với thầy giáo, cô giáo của mình" quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

b.1) Các điều kiện được hướng dẫn tại các điểm a.1 và a.2 tiêu mục 3.3 này;

b.2) Tỷ lệ thương tật của nạn nhân từ 11% đến 30%.

c) Chỉ áp dụng tình tiết "đối với thầy giáo, cô giáo của mình" quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự để

xét xử bị cáo theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

c.1) Các điều kiện được hướng dẫn tại các điểm a.1 và a.2 tiểu mục 3.3 này;

c.2) Tỷ lệ thương tật của nạn nhân từ 31% đến 60%.

e) Phạm tội có tổ chức [32].

Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Sự cấu kết chặt chẽ giữa những người thực hiện tội phạm thể hiện mức độ liên kết, mức độ phân hóa vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng người.

g) Phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục

Người bị tạm giữ là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ; Người bị tạm giam là người bị can, bị cáo bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp tạm giam. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người chưa thành niên phạm tội là biện pháp do Tòa án quyết định, áp dụng đối với người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội, nếu thấy không cần thiết áp dụng hình phạt với họ, nhưng do tính chất của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người đó mà cần đưa người đó vào trường giáo dưỡng. Như vậy có thể thấy những người bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục là những người đang bị áp dụng biện pháp đặc biệt để quản lý họ, trong thời gian này những người bị tạm giữ, tạm giam cần phải tuyệt đối tuân thủ quy định pháp luật, Để xác định thời gian này cần căn cứ vào quyết định bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

h) Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê

Gây thương tích thuê là trường hợp người phạm tội vì lợi ích vật chất từ người khác, mặc dù có thể không có mâu thuẫn, thù hằn gì với nạn nhân, mà chỉ xuất phát từ lợi ích vật chất để thực hiện hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

i) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm

Phạm tội có tính chất côn đồ là trường hợp thực hiện tội phạm có tính hung hãn cao độ, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, gây thương tích không có nguyên do hoặc phạm tội vì lý do nhỏ nhen; đâm, đánh người dã man...

Tái phạm nguy hiểm là phạm tội trong trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nếu phạm tội theo quy định từ khoản 2 trở lên là tội nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

k) Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ đủ a nạn nhân

Công vụ thường được hiểu là công việc mà cơ quan, tổ chức xã hội giao cho một người thực hiện; Người thi hành công vụ là người thực hiện công việc do cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội giao cho một cách thường xuyên hoặc tạm thời, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, họ có quyền hạn nhất định khi thực hiện công vụ đó.

Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để cản trở người thi hành công vụ là trường hợp người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người đang thi hành công vụ

để cản trở người thi hành công vụ đang thi hành nhiệm vụ do cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội giao cho vì lợi ích chung của nhà nước, xã hội như: đánh cán bộ thuế đang thu thuế làm cho họ không thu được thuế.v.v. Nếu người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người đang thi hành công vụ nhưng vì động cơ khác không phải để cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ được giao thì tùy từng trường hợp mà người phạm tội bị truy cứu TNHS.

Gây thương tích vì lý do công vụ của nạn nhân thể hiện nhiệm vụ mà nạn nhân được giao có ảnh hưởng trực tiếp đến người phạm tội nên người phạm tội đã chủ động gây thương tích cho nạn nhân. Hành vi có thể xảy ra trước hoặc sau khi nạn nhân thực thi công vụ.

2.1.1.3. Chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là người có năng lực TNHS, đạt độ tuổi luật định và đã thực hiện hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Người có đủ năng lực TNHS phải là người không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo làm mất khả năng nhận thức điều chỉnh hành vi của mình, tức là người đó nhận thức được tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà mình sẽ thực hiện, biết được hành vi đó đúng hay sai, có phù hợp với pháp luật và đạo đức hay không. Pháp luật hình sự Việt Nam không trực tiếp quy định người như thế nào là có đủ năng lực TNHS mà chỉ quy định tuổi chịu TNHS và tình trạng không có năng lực TNHS. Có thể hiểu luật hình sự Việt Nam mặc nhiên thừa nhận những người đã đạt độ tuổi chịu TNHS nói chung là có năng lực TNHS, trừ trường hợp mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Theo quy định tại Điều 12 BLHS thì người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi loại tội; người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi

phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Căn cứ vào Điều 8 khoản 3; Điều 12; Điều 104 BLHS người từ đủ 14 tuổi trở lên đến dưới đủ 16 tuổi nếu thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thuộc Điều 104 BLHS khoản 1 hoặc khoản 2 không là chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, người từ đủ 14 tuổi trở lên đến dưới đủ 16 tuổi nếu thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thuộc Điều 104 BLHS khoản 3, khoản 4 hoặc người từ 16 tuổi trở lên thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Về cách tính tuổi chịu TNHS theo quy định của BLHS thì độ tuổi ở đây là tuổi tròn "đủ 14 tuổi" hoặc "đủ 16 tuổi". Trong thực tiễn cũng như trong lý luận việc xác định độ tuổi không phải bao giờ cũng dễ dàng, thông thường việc xác định độ tuổi căn cứ theo Giấy đăng ký khai sinh. Tuy nhiên không phải trong mọi trường hợp đều còn Giấy khai sinh, hoặc giấy khai sinh không chính xác... Để khắc phục vướng mắc trên TANDTC có hướng dẫn tại mục 11 phần II công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/06/2002 về cách tính tuổi chịu TNHS của người phạm tội nói chung và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Theo chúng tôi quy định này là phù hợp và khoa học đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội cũng như trừng trị thích đáng người phạm tội.

2.1.1.4. Mặt chủ quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Mặt chủ quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội bao gồm lỗi, động cơ, mục đích. Lỗi của người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được thực hiện do cố ý. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình, chắc chắn hoặc có thể gây ra thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác, mong muốn hoặc tuy không

mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả đó xảy ra.

Người phạm tội thực hiện hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật chỉ bị coi là có lỗi nếu hành vi đó là kết quả của sự tự lựa chọn của chính họ, họ tự ý thức và kiểm soát hành vi của mình, trong khi họ có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn và thực hiện xử sự khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội. Tức người thực hiện hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thể lựa chọn và thực hiện xử sự khác không gây ra hậu quả thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhưng chủ thể đã lựa chọn, quyết định và thực hiện hành vi gây ra thương tích hoặc tổn hại sức khỏe cho người khác. Như vậy, lỗi của người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chỉ đặt ra cho những trường hợp trong đó chủ thể có khả năng xử sự không gây ra thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhưng chủ thể đã không lựa chọn khả năng này.

Muốn xác định đúng lỗi của người phạm tội đối với thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của nạn nhân là cố ý hay vô ý, thì cần làm sáng tỏ hai vấn đề: 1) người phạm tội có thấy trước hậu quả nguy hiểm không; 2) nếu thấy trước thì họ mong muốn, chấp nhận hay loại trừ khả năng hậu quả xảy ra. Nếu vấn đề thứ nhất được xác định là không thì có thể loại trừ ngay khả năng cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Để xác định người phạm tội có thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội có xảy ra hay không phải xuất phát từ năng lực nhận thức của họ, cũng như những điều kiện nhận thức cụ thể, hoàn cảnh khách quan, những dấu hiệu thuộc mặt khách quan như: tính chất công cụ phạm tội, phương tiện cũng như cách thức sử dụng; tình trạng sức khỏe cũng như khả năng chống đỡ của nạn nhân...

Để xác định người phạm tội mong muốn, chấp nhận hay loại trừ hậu

quả gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cần xem xét đánh giá những tình tiết như: sự lựa chọn công cụ, phương tiện phạm tội, cách thức sử dụng; diễn biến tâm lý của người phạm tội trong quá trình thực hiện tội phạm; tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội; động cơ, mục đích phạm tội; vị trí tác động... Trong trường hợp mong muốn hậu quả gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác xảy ra, người phạm tội thường sử dụng các công cụ phạm tội mang tính chất "sát thương" cao như dao, kiếm, mã tấu, côn... Bên cạnh đó người phạm tội còn lựa chọn vị trí tác động, cách thức sử dụng công cụ, phương tiện có khả năng gây ra thương tích hoặc tổn hại sức khỏe lớn cho đối tượng tác động.

Ngược lại, nếu chỉ có ý thức chấp nhận hậu quả gây thương tích hoặc tổn hại cho người khác xảy ra, người phạm tội không quan tâm đến công cụ, phương tiện, phương pháp phạm tội, vị trí tác động đến nạn nhân có nguy hiểm, có khả năng gây thương tích hay tổn hại sức khỏe hay không, mà chỉ quan tâm đến việc đạt được mục đích của mình. Cho nên người phạm tội trong trường hợp này có thể dùng bất cứ công cụ, phương tiện, phương pháp phạm tội nào, không phụ thuộc vào tính chất nguy hiểm của nó, đồng thời chấp nhận mọi cách thức sử dụng công cụ phương tiện phạm tội.

Trường hợp người phạm tội có ý thức loại trừ khả năng hậu quả gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác, người phạm tội sẽ lựa chọn công cụ, phương tiện, phương pháp cũng như cách thức sử dụng để làm sao vừa có thể đạt được mục đích lại vừa tránh được ở mức cao nhất hậu quả gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác. Trong số các công cụ, phương tiện, phương pháp phạm tội có khả năng giúp người thực hiện tội phạm đạt được mục đích, người phạm tội thường sử dụng công cụ, phương tiện, phương pháp ít nguy hiểm nhất. Khi sử dụng người phạm tội tác động vào những vị trí ít nguy hiểm trên cơ thể, lực tác động thường nhẹ không hết khả năng. Trong các trường hợp này mục đích của người phạm tội chủ yếu là đe dọa

chứ không có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác.

Ngoài dấu hiệu lỗi, trong mặt chủ quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác động cơ, mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, ở một số cấu thành tội phạm mà mặt khách quan cũng quy định hành vi gây ra thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác, nhưng dấu hiệu động cơ và mục đích phạm tội lại được quy định là dấu hiệu bắt buộc thì việc xác định đúng động cơ, mục đích phạm tội sẽ giúp định đúng tội danh và phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác với một số tội khác như: Tội khủng bố (Điều 84 BLHS); Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106 BLHS); Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 107 BLHS). Bên cạnh đó việc xác định động cơ, mục đích của người phạm tội có ý nghĩa quan trọng, trong việc xác định khung hình phạt, quyết định hình phạt.

2.1.2. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được quy định tại Điều 105 Bộ luật hình sự năm 1999

Điều 105. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến hai năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm:

a) Đối với nhiều người;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác [18].

2.1.2.1. Khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh giống khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác Điều 104 BLHS đó là quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe những người đang sống, đang tồn tại.

2.1.2.2. Mặt khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần kích động mạnh giống như hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác Điều 104 BLHS là dùng vũ lực, sức mạnh đánh đấm, đâm chém đập vào cơ thể con người đang sống làm suy giảm về sức khỏe, hạn chế hoạt động bình thường của con người, gây cố tật, thẩm mỹ...

Hậu quả của tội này được pháp luật quy định là gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe từ 31% đến 60% cấu thành tại khoản 1 Điều 105 BLHS năm 1999. Cấu thành định khung tăng nặng theo khoản 2 Điều 105: Phạm tội đối với nhiều người, tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên, phạm tội dẫn đến chết người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác.

2.1.2.3. Chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe

của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh giống chủ thể tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại Điều 104 BLHS. Khác với chủ thể Điều 104 ở chỗ, Chủ thể thực hiện hành vi phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với mình hoặc người thân thích làm cho người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiềm chế được hành vi phạm tội của mình.

2.1.2.4. Mặt chủ quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Mặt chủ quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh giống mặt chủ quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Song khác nhau ở chỗ lỗi của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh phải là lỗi cố ý trực tiếp không có lỗi cố ý gián tiếp.

1.1.3. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định tại Điều 106 Bộ luật hình sự năm 1999

Điều 106. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm.

2. Phạm tội đối với nhiều người thì bị phạt tù từ một năm đến ba năm [18].

2.1.3.1. Khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng giống với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác quy định tại Điều 104 BLHS.

2.1.3.2. Mặt khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Mặt khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng giống mặt khách quan của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác. Khác hậu quả của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng từ 31% trở lên mới cấu thành tội phạm. Khung tăng nặng đối với nhiều người thì bị phạt từ một năm đến ba năm tù.

2.1.3.3. Chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng giống tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác có năng lực TNHS, ở một độ tuổi nhất định.

2.1.3.4. Mặt chủ quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Mặt chủ quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng giống tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác. Khác là chủ thể thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng do động cơ phòng vệ chính đáng nhưng đã vượt quá giới hạn cho phép.

2.2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁC TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

Trong những năm qua, nhiệm vụ của ngành TAND rất nặng nề và trong điều kiện còn rất nhiều khó khăn do thiếu nguồn tuyển dụng, bổ nhiệm thẩm phán nên một số Tòa án địa phương chưa đủ biên chế cán bộ, thẩm phán; chế độ chính sách đối với cán bộ Tòa án còn có bất cập; điều kiện cơ sở vật chất của các Tòa án tuy đã được tăng cường đáng kể nhưng cũng chưa đáp ứng đầy đủ so với yêu cầu nhiệm vụ..., nhưng trước tình hình tội phạm chưa có chiều hướng giảm, đặc biệt là các loại tội xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người ngày càng gia tăng. Trong số đó tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phát sinh, phát triển ngày càng nhiều với tính chất mức độ ngày càng nghiêm trọng; để đáp ứng ngày càng cao về chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án; bằng sự nỗ lực, cố gắng của cán bộ, công chức trong toàn ngành, sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các tổ chức là thành viên của mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ngành TAND đã đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án, hạn chế đến mức thấp nhất các sai sót về nghiệp vụ; xét xử kịp thời, nghiêm minh các vụ án lớn, trọng điểm, các vụ án xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, đặc biệt là các vụ án cố ý gây thương tích có tổ chức, các vụ án đâm thuê, chém mướn, bảo kê... là nhiệm vụ trọng tâm của ngành TAND.

2.2.1. Những kết quả đạt được trong xét xử các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Theo số liệu thống kê của TANDTC, trong những năm gần đây số lượng vụ án về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong phạm vi toàn quốc chiếm tỷ lệ khá cao so với tổng số các loại vụ án phải đưa ra xét xử.

Từ năm 2009 đến năm 2013, trong phạm vi toàn quốc, toàn ngành Tòa án đã xét xử 31.790 vụ án về các tội cố ý gây thương tích với 51.753 bị cáo.

Như vậy, tính trung bình, một năm toàn ngành Tòa án phải đưa ra xét xử 6.358 vụ với 10.350,6 bị cáo về các loại tội này.

Bảng số 2.1: Số liệu vụ án cố ý gây thương tích trong phạm vi toàn quốc từ năm 2009 đến năm 2013

Năm	Tổng số vụ án các tội cố ý gây thương tích	Tổng số bị cáo	Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104)	Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 105)	Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106)
2009	7043	11381	6990	42	11
2010	6794	11189	6748	31	15
2011	7310	12000	7275	19	16
2012	6877	11687	6851	16	10
2013	6900	11564	6876	17	7

Nguồn: Cục thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin TANDTC.

Tổng số thụ lý không tính số vụ án hoàn lại cho Viện kiểm sát.

Qua bảng thống kê, chúng ta thấy, trong khoảng thời gian từ năm 2009 năm 2013 số vụ phạm các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được xử sơ thẩm hàng năm tăng giảm không đều. Cụ thể năm 2009 có 7.043 vụ 11.381 bị cáo, năm 2010 có 6.794 vụ 11.189 bị cáo, năm 2011 có 7.310 vụ 12.000 bị cáo, năm 2012 có 6.877 vụ 11.687 bị cáo, năm 2013 có 6.990 vụ 11.564 bị cáo.

Các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là một trong những tội nằm trong nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, tội này chiếm tỷ lệ khá cao so với các tội khác trong cùng một nhóm tội (năm 2009 là 7043/ 10.476 chiếm 67,3%, Năm 2010 là 6.794 /10.342 chiếm 65,7%).

Trong các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của

người khác thì chiếm phần lớn là các vụ về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104) chiếm tỷ lệ cao (99,2% năm 2009; 99,3 % năm 2010; 99,5% năm 2011; 99,6 % năm 2012 và năm 2013)

Điểm đáng lưu ý ở đây là số bị cáo trung bình của một vụ lại đang có chiều hướng gia tăng. Điều này chứng tỏ có sự liên kết của các đối tượng phạm tội trong một vụ án, nó đã phản ánh tình hình đáng báo động về loại tội phạm này, tính chất, hành vi, động cơ, mục đích của đối tượng phạm tội.

* Trước diễn biến tình hình nhóm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ngày một đa dạng, phức tạp, Ban cán sự Đảng và lãnh đạo TANDTC đã tập trung chỉ đạo các Tòa án các cấp phải thực hiện nghiêm túc trong hoạt động xét xử các loại tội này, nên về cơ bản các vụ án được đưa ra xét xử trong thời hạn quy định của pháp luật. Tòa án các cấp đã quán triệt và triển khai sâu rộng việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa. Các Hội đồng xét xử đã làm tốt công tác chuẩn bị phiên tòa, nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, thực hiện tốt kế hoạch xét hỏi và tranh luận, đảm bảo cho các bên trình bày đầy đủ ý kiến của mình về những vấn đề liên quan tới việc giải quyết vụ án.

Như vụ án xảy ra tại quận Hải An, thành phố Hải Phòng vào ngày 9/11/2012, cụ thể như sau: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 09/11/2012, bà Vũ Thị Phượng cùng con trai là Trần Công Thắng đến nhà bà Bùi Thị Cườm để đòi nợ tiền mà anh Nguyễn Văn Việt (là con trai bà Cườm) nợ bà Phượng chưa trả, nhưng anh Việt không có nhà. Tại đây, giữa bà Phượng và Thắng xảy ra xích mích, lời qua tiếng lại với con trai bà Cườm là Phạm Duy Hưng và Phạm Văn Đạo. Bà Phượng và Thắng đi về, khi ra khỏi cổng nhà bà Cườm một đoạn khoảng 12 m; hai bên vẫn tiếp tục lời qua tiếng lại. Đạo dùng tay đấm vào mặt Thắng khiến Thắng bị ngã va mặt vào bờ tường bao cạnh ngõ làm xây xước vùng mặt. Hưng nhìn thấy Thắng cúi xuống, nghĩ rằng Thắng nhặt gạch ném Hưng và Đạo nên chạy vào sân nhà bà Cườm lấy 01 xèng xúc cát

có cán bằng gỗ dài 105cm, đường kính 04 cm, lưới xẻng bằng sắt, kích thước 18x20 cm, dùng tay phải cầm cán xẻng, chạy về phía Thắng đập 02 nhát vào người Thắng theo hướng thẳng từ trên xuống, nhát thứ nhất trúng vào đầu, nhát thứ hai trúng vào vai trái của Thắng khiến Thắng bị thương, gục xuống, ngất tại chỗ. Thắng được đưa đi cấp cứu, còn Hưng bỏ chạy. Đến 21 giờ 15 phút cùng ngày, Hưng đến trình diện tại trụ sở Công an phường Đông Hải 2 trình báo sự việc và giao nộp hung khí là chiếc xẻng đã dùng để gây thương tích cho anh Thắng.

Tại Kết luận giám định pháp y số 761-PY/2012 ngày 11/11/2012 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế thành phố Hải Phòng kết luận: nạn nhân Trần Công Thắng bị chấn thương sọ (vết thương sọ não hở) và có các thương tích sau: vết thương vùng đỉnh trái dài 05cm, lộ tổ chức não; các vết xây xước da vùng đuôi mắt trái, vùng trán trái, má trái; sưng nề và xây xước da mặt ngoài cánh tay phải, khuỷu tay phải, yếu vận động tay phải; vết xây xước da vùng sau vai trái dài 10 cm. Trong đó:

- Vỡ lún xương sọ phải mổ găm bỏ xương lún làm giảm 24% sức khỏe;
- Xuất huyết dưới nhện mới còn yếu tay phải làm giảm 41% sức khỏe;
- Các vết xây xước da làm giảm 1% sức khỏe.

Tổng hợp các thương tích trên theo phương pháp cộng lùi và làm tròn số thì nạn nhân bị giảm 56% sức khỏe.

Thương tích vùng đầu có đặc điểm do vật có cạnh cứng tác động trực tiếp với một lực rất mạnh gây nên. Thương tích vùng sau vai trái có đặc điểm do vật có cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên. Các vết xây xước da vùng mặt, vùng cánh tay phải có đặc điểm do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Sau khi nhận được hồ sơ từ VKS, khi nghiên cứu hồ sơ, Thẩm phán được phân công nghiên cứu hồ sơ vụ án đã nhanh chóng hoàn thành các thủ tục chuẩn bị phiên tòa, lên kế hoạch xét hỏi chi tiết, đưa vụ án ra xét xử sớm hơn so với quy định của pháp luật nhằm đảm bảo nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Về hình phạt, TAND quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã áp dụng

Khoản 3 Điều 104; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46 BLHS; Xử phạt bị cáo Phạm Duy Hưng 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo Phạm Duy Hưng tính từ ngày tạm giữ là ngày 11/11/2012.

Mức án mà TAND quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã tuyên là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Đây là bài học cảnh tỉnh cho những đối tượng bất chấp, coi thường pháp luật, giải quyết mâu thuẫn bằng dao, kiếm... Bản án trên của TAND quận Hải An, thành phố Hải Phòng nhận được sự đồng tình ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân quận Hải An, nói riêng và nhân dân trong thành phố Hải Phòng nói chung.

* Trong quá trình tiến hành tố tụng, để có cơ sở kết luận một người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, hiện nay trong các văn bản pháp luật hình sự và qua thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử nói chung đều có sự thống nhất coi các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi của một người cố ý làm cho người khác bị thương hoặc bị tổn hại đến sức khỏe của người khác như đâm đá, đầu độc, tạt axít... Những hành vi này về hình thức thường không khác gì hành vi của tội giết người nhưng tính chất và mức độ nguy hiểm thấp hơn nên không gây chết người mà chỉ làm cho nạn nhân bị ảnh hưởng đến sức khỏe hoặc gây nên thương tích trên cơ thể nạn nhân, như vụ Mai Văn Bằng cố ý gây thương tích ngày 24.4.2011, cụ thể như sau: Khoảng 4 giờ 30 phút ngày 24/04/2011, anh Bùi Kiên Định, sinh năm 1983, trú tại thôn 4, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng là lái xe Công ty TNHH Công Thành điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 16L-0166 kéo rơ moóc biển kiểm soát 16R-1011 đến bãi Container Tasa Duyên Hải thuộc tổ dân phố Hạ Đoạn 4, phường Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng để nhận vỏ Container. Quá trình làm việc, anh Định có xảy ra xích mích với Mai Văn Bằng, là công nhân Công ty Tasa Duyên Hải và được những người có mặt ở đó can ngăn. Sau đó, Bằng đi lên văn phòng, anh Định cũng đi lên văn phòng làm thủ tục nhận vỏ. Tại đây, hai

bên xô xát, lời qua tiếng lại. Bằng chạy ra ngoài cửa, lấy 01 (một) thanh gỗ dài khoảng 80 cm-100 cm, bản rộng khoảng 05 cm đập vào người anh Định nhưng anh Định tránh được, khiến thanh gỗ đập vào cửa làm cửa kính bị vỡ. Anh Định quay lưng bỏ chạy vào phía trong. Bằng đuổi theo và dùng thanh gỗ nói trên đập vào đầu anh Định từ phía sau làm anh Định chảy máu ở đầu và ngã gục xuống nền nhà. Bằng tiếp tục dùng chân đá vào mặt anh Định nhưng được mọi người can ngăn. Anh Định lái xe về công ty và đến bệnh viện chữa trị vết thương.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 266-PY/2011 ngày 11/05/2011 của Trung tâm giám định pháp y - Sở Y tế thành phố Hải Phòng kết luận thương tích của anh Bùi Kiên Định như sau: Vết thương rách da đầu vùng đỉnh chằm phải mới cắt chỉ, tương đối thẳng gọn, đang liền sẹo dài 5,5cm. "Hiện tại thương tích trên chưa hoàn toàn ổn định, có đặc điểm do vật có cạnh hoặc lưỡi tương đối sắc gây nên và làm giảm 15% sức lao động của nạn nhân".

Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã áp dụng Khoản 2 Điều 104; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS; Xử phạt bị cáo Mai Văn Bằng 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 58 tháng 18 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Mai Văn Bằng cho Ủy ban nhân dân xã Đoàn Lập, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng nơi bị cáo Bằng cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

* Như chúng ta biết, chủ thể của các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là người có năng lực TNHS, đạt độ tuổi luật định và là người có hành vi thực hiện theo lỗi cố ý, nghĩa là người đó nhận thức được hành vi của mình hoặc có ý thức để mặc cho hậu quả đó xảy ra, nhưng cũng giới hạn ở việc chỉ mong muốn hoặc để mặc cho nạn nhân bị thương tích, hoặc tổn hại cho sức khỏe chứ không mong muốn cho nạn nhân chết. Trong thực tiễn xét xử, đa số các Tòa án đều chú trọng đến nhân thân

người phạm tội, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội; phương tiện phạm tội; các kết quả giám định thương tích, thái độ khai báo của bị cáo tại phiên tòa... để ra một bản án thấu tình đạt lý.

Vụ án sau đây là một ví dụ [26]: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 11/11/2005 ông Thụy đến nhà anh Nguyễn Văn Lợi ở cùng khu 5, xã Thanh Xá để tìm con trai là Nguyễn Văn Thùy. Khi ông Thụy vào đến sân nhà anh Lợi do nhìn thấy một khúc gỗ tròn một đầu vát có kích thước hai cạnh rộng 10 dày 8 và dài 23cm. Ông Thụy cầm luôn khúc gỗ trên với ý thức để phòng thân. Khi vào trong nhà thấy anh Lợi đang ngồi cùng với Nguyễn Văn Thắng là anh trai ăn cơm và uống rượu. Ông Thụy liền hỏi cả anh Lợi và Thắng là "Thùy đâu?". Thắng trả lời "không biết". Hai bên lời qua tiếng lại, sau đó ông Thụy quay ra để về. Khi ra đến sân ông Thụy quay lại ném luôn khúc gỗ đang cầm trên tay vào nhà anh Lợi, vì quá bức tức vì thái độ của ông Thụy, Thắng liền nhặt khúc gỗ lên và dùng tay phải đã ném rất mạnh về phía ông Thụy và trúng vào đầu. Ông Thụy bị choáng và loạng choạng rồi ngã xuống sân nhà anh Lợi, sau đó được mọi người và gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Thanh Nhàn - Hà Nội. Tỷ lệ thương tích gây ra cho ông Thụy là 81%.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã đánh giá tính chất của hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, bởi lẽ, mặc dù trước khi bị thương phía ông Thụy cũng có những lời lẽ không phải đối với gia đình và bản thân Thắng, tuy nhiên chỉ với lỗi ấy Thắng đã không nề hà cầm ngay khúc gỗ có các kích thước đáng kể ném ngay vào đầu gây nên hậu quả thiệt hại nghiêm trọng cho ông Thụy. "Khúc gỗ" được Hội đồng xét xử xác định là "phương tiện nguy hiểm" có đủ khả năng gây nguy hại tới sức khỏe cũng như tính mạng cho ông Thụy để ném ông và chính cái ném ấy Thắng đã gây hậu quả tổn hại cho ông tới mức 81%. Trong những thương tổn được xác định, có những thương tích đã trở thành cố tật như xương sọ bị vỡ nhưng không thể ghép lại được và liệt ½ người, phải bất động và không có khả năng hồi phục.

Ngoài những căn cứ như trên, Hội đồng xét xử TAND tỉnh Phú Thọ còn xét đến nhân thân bị cáo, thái độ khai báo của bị cáo tại phiên tòa để lên cho bị cáo mức hình phạt 5 năm tù theo khoản 3 Điều 104 BLHS là phù hợp.

Như chúng ta đã biết, trẻ em là chủ nhân tương lai của đất nước, là nguồn hạnh phúc lớn lao của mỗi gia đình, Do vậy, để trẻ em trở thành công dân tốt, xứng đáng là những người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đòi hỏi gia đình, nhà trường, các tổ chức xã hội và tất cả mọi người phải thường xuyên chăm lo, giáo dục, đồng thời có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ quyền lợi của trẻ em. Nhưng thật đáng buồn, trong khi Việt Nam vừa mới tham gia kí kết, phê chuẩn, thực hiện công ước về quyền trẻ em, thì hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe cho trẻ em lại đang là một vấn đề nóng bỏng được sự quan tâm của nhiều nhiều người. Trước tình hình đó, lãnh đạo TANDTC đã chỉ đạo các Tòa án địa phương nơi xảy ra tội phạm xét xử nghiêm minh, kịp thời, xét xử lưu động các vụ án hành hạ gây thương tích cho trẻ em nhằm đảm bảo các quy định đã ký kết khi Việt Nam tham gia công ước về quyền trẻ em, thông qua đó tuyên truyền ý thức, nâng cao hiểu biết pháp luật trong nhân dân. Các phán quyết của Tòa án được nhân dân cả nước đồng tình ủng hộ. Như vụ, bảo mẫu Chu Thị Mỹ ở thị xã Gia Nghĩa, tỉnh ĐắkNông chỉ vì ghen tuông, nghi ngờ chồng mình có quan hệ với mẹ cháu Hoài (cháu Hoài mới 09 tháng tuổi) đã gây thương tích cho cháu đến 21%. Chu Thị Mỹ bị phạt 30 tháng tù về tội cố ý gây thương tích và phải bồi thường cho gia đình cháu Hoài 10 triệu đồng; vụ bảo mẫu Quán Thị Kim Hoa gây thương tích cho 02 cháu Duyên và Đạt khi các cháu ở nhà trẻ đã bị phạt 18 tháng tù về tội cố ý gây thương tích; vụ án hành hạ cháu Hào Anh xảy ra tại Cà Mau (vụ án này được xét xử lưu động tại trung tâm văn hóa tỉnh Cà Mau đã thu hút được hàng nghìn người dân). Nội dung vụ án, như chúng ta đã biết- từ giữa tháng 10-2008 đến tháng 4-2010 cháu Hào Anh (khi ấy chưa được 14 tuổi) được mẹ là Phạm Thị Thoa (ngụ ấp Ngọc Tuấn, thị trấn Cái

Nước, Cà Mau) gửi đi làm thuê cho vợ chồng Giang - Thơm tại trại tôm giống Minh Đức. Trong thời gian Hào Anh ở làm thuê, vì cho rằng em làm việc chậm lại hay cãi, lười biếng nên Giang - Thơm thường xuyên đánh đập em với những thủ đoạn dã man như: lấy cây nạy răng, kim bấm môi, cây tre đánh lên trán, dây nhựa đánh vào lỗ mũi, búa đánh vô lưng, dao lam rạch lưng, bàn ủi đang nóng dí vào người... Những lúc "đánh mệt" Giang - Thơm còn "chỉ đạo" hai người làm công khác là Lâm Lý Quỳnh và Lưu Văn Khánh tiếp tục đánh đập Hào Anh. Kết quả giám định thương tật của Phòng kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Cà Mau cho thấy, Hào Anh bị thương tích đến 66,83%. HĐXX đã tuyên phạt hai bị cáo Huỳnh Thanh Giang và Mã Ngọc Thơm mỗi người 23 năm tù, mức cao nhất trong khoảng do đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Trong đó 20 năm tù về tội "cố ý gây thương tích" và 3 năm tù về tội "hành hạ người khác". Riêng hai bị cáo Khánh và Quỳnh, do thành khẩn khai báo đã được tòa tuyên phạt tổng cộng mỗi người 1 năm 6 tháng tù. Ngoài thực hiện án phạt trên, các bị cáo còn phải bồi thường cho em Nguyễn Hào Anh tổng cộng là 50 triệu đồng.

2.2.2. Những hạn chế, thiếu sót, vướng mắc trong xét xử các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Với mục đích để hoàn thiện hơn các văn bản đã có trong việc hướng dẫn đường lối xử lý đối với loại tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; đồng thời nhằm cụ thể hóa quy định của Điều 104 BLHS năm 1999, Hội đồng thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS.

1. Về tình tiết "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự

"Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" là hậu quả của hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân để lại trạng thái bất thường, không thể chữa được cho một bộ phận cơ thể

của nạn nhân với tỷ lệ thương tật dưới 11% khi thuộc một trong các trường hợp: làm mất một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm mất chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm giảm chức năng hoạt động của một bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân.

Có thể lấy một số trường hợp sau đây trong bản quy định tiêu chuẩn thương tật (ban hành kèm theo Thông tư số 12/TTLB ngày 26-7-1995 của Liên Bộ Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội "quy định về tiêu chuẩn thương tật và tiêu chuẩn bệnh tật mới") để làm ví dụ:

a. Về trường hợp làm mất một bộ phận cơ thể của nạn nhân

Ví dụ: gây thương tích làm mất đốt ngoài (đốt 2) của ngón tay cái hoặc làm mất hai đốt ngoài (2+3) của ngón tay trỏ có tỷ lệ thương tật từ 8% đến 10% (các điểm a và b mục 5, phần IV, Chương I);

b. Về trường hợp làm mất chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân

Ví dụ: gây thương tích làm cứng khớp các khớp liên đốt ngón tay giữa (III) ở tư thế bất lợi có tỷ lệ thương tật từ 7% đến 9% (điểm c mục 5, phần IV, Chương I);

c. Về trường hợp làm giảm chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân

Ví dụ: gây thương tích làm một mắt giảm thị lực từ 4/10 đến 5/10, mắt kia bình thường có tỷ lệ thương tật từ 8% đến 10% (mục 7, phần II, Chương VIII);

d. Về trường hợp làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân

Ví dụ: gây thương tích để lại sẹo to, xấu ở vùng trán, thái dương có tỷ lệ thương tật từ 6% đến 10% (điểm b, mục 1, phần I,

Chương IV) [31].

Hệ thống văn bản hướng dẫn này đã phân nào bao quát được các vấn đề, tuy nhiên trong thực tiễn xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cần có thêm nhiều văn bản hướng dẫn để tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích.

Thực tiễn đã chỉ ra những tồn tại, thiếu sót trong thực tiễn xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là chưa làm rõ khái niệm và thực hiện nghiêm túc trong hoạt động xét xử các loại tội này. Một số tình tiết định khung tăng nặng quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS gần tương tự tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS do vậy đã gây không ít khó khăn trong việc định tội cũng như định khung hình phạt. Cụ thể: Về vấn đề áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "dùng hung khí nguy hiểm" theo chúng tôi cần làm rõ: Hung khí nguy hiểm là bản thân nó chứa đựng khả năng gây ra nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe con người, nó hoàn toàn không phụ thuộc vào cách thức sử dụng của người phạm tội. Hay: Phải căn cứ vào cách thức sử dụng hung khí của người phạm tội để có thể vận dụng tình tiết này (có thể bản chất của phương tiện là không nguy hiểm nhưng do thủ đoạn, phương pháp của người sử dụng có thể gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc thương tích nặng cho nạn nhân thì mới áp dụng). Hay cần xem xét toàn diện các vấn đề, tính chất nguy hiểm của hung khí mà người phạm tội sử dụng, cách thức sử dụng hung khí, động cơ, mục đích và mức độ thương tích tổn hại sức khỏe nạn nhân.

Để truy cứu hình sự về các tội cố ý gây thương tích đa số các trường hợp phải dựa vào tỷ lệ thương tích hoặc tổn thương sức khỏe ở mức đáng kể của nạn nhân. Nếu thương tích không đáng kể thì chưa phải là phạm tội. Tuy nhiên trong một số trường hợp tỷ lệ thương tật chưa đến 11% nhưng người có hành vi cố ý gây thương tích vẫn có thể bị truy cứu TNHS... Đó là khi người phạm tội đã cố ý dùng hung khí nguy hiểm như dao, các loại dao, lê, các loại

súng, lựu đạn, các loại thuốc nổ, axit hoặc người phạm tội đã có những thủ đoạn có thể gây nguy hại cho nhiều người như đầu độc, bắn, ném lựu đạn vào chỗ đông người... gây cô tật nhẹ cho nạn nhân, phạm tội đó với nhiều người cùng một lúc, phạm tội nhiều lần đối với một người, hoặc đối với nhiều người, phạm tội đối với người chưa thành niên, người già, phụ nữ có thai...

2.2.2.1. Những hạn chế, thiếu sót, vướng mắc trong định tội danh các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Việc định tội danh không hề đơn giản, đôi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tỏ ra lúng túng không biết người phạm tội có phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hay không. BLHS quy định nhiều loại tội phạm có hành vi khách quan tương tự với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nên trên thực tế xảy ra rất nhiều vụ án có mặt khách quan vừa giống các dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác vừa giống dấu hiệu pháp lý của một số tội khác, nên đã gây không ít khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền trong việc định tội danh. Vụ án sau đây là một ví dụ:

Thực hiện thông báo của Ủy ban nhân dân xã Thanh Lương, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng, Công an xã Thanh Lương đã giao nhiệm vụ cho tổ bảo vệ gồm: Lê Đăng Thông, Lê Đăng Huân, Đinh Văn Tạch và Đỗ Văn Ngô do anh Lê Đăng Thông làm tổ trưởng, trông coi đồng lúa và hoa màu của xã. Trong thời gian trông coi, tổ bảo vệ phát hiện Lã Văn Ba thả 500 con vịt vào khu ruộng lúa chín của thôn. Tổ bảo vệ yêu cầu Lã Văn Ba lùa đàn vịt về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thanh Lương để giải quyết. Khi đến ngõ nhà anh Khúc Văn Nhâm thì đàn vịt chạy vào sân nhà anh Nhâm. Anh Đỗ Văn Ngô dùng cây thuốc Lào vụt xuống sân để đuổi đàn vịt ra, vịt sợ chạy xô đẩy lên nhau, thấy vậy ông Lã Văn Hóa (chú ruột của ông Lã Văn Ba) đang đứng ở ngõ đã túm cổ áo anh Thông chửi bới, gây sự. Còn Lã Văn Ba chạy lại giữ tay anh Ngô. Anh Ngô gạt tay ra, không may va vào cổ Ba, lập tức Lã Văn Ba

đâm vào mặt anh Ngô. Anh Thông thấy vậy chạy đến thì Lã Văn Ba lùi lại dùng thanh sắt dài khoảng 50cm vọt vào lưng anh Ngô hai cái. Anh Thông giữ tay Ba thì bị Ba vọt vào tay nhưng không gây thương tích. Ngay sau đó, mọi người can ngăn, giằng được thanh sắt vút đi. Ba chạy về nhà và trốn khỏi địa phương, sau đó đã đến công an tự thú. Xung quanh vụ án này tồn tại hai quan điểm khác nhau về việc định tội danh đối với Lã Văn Ba. Quan điểm thứ nhất đồng tình với bản án của TAND huyện Vĩnh Bảo cho rằng Lã Văn Ba phạm tội chống người thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 257 BLHS năm 1999. Quan điểm thứ hai lại cho rằng Lã Văn Ba phạm tội cố ý gây thương tích trong trường hợp để cản trở người thi hành công vụ theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999.

Qua phân tích, đánh giá quy định của pháp luật, áp dụng vào vụ án này chúng tôi ủng hộ quan điểm thứ hai với lập luận như sau:

Trên thực tế, một số tội phạm có các dấu hiệu hành vi khách quan tương tự nhau nên ranh giới để phân biệt tội này hay tội kia còn nhiều khó khăn, nhất là trong những trường hợp cần phân biệt giữa hành vi phạm tội của tội này với hành vi phạm tội của tội khác nhưng thuộc trường hợp có tình tiết định khung hình phạt. Do vậy việc định tội danh trong những trường hợp đó và đặc biệt trong từng trường hợp cụ thể chúng ta cần xem xét khách quan và toàn diện tất cả các tình tiết của vụ án mới có thể đảm bảo xác định chính xác tội danh được. Cụ thể ở đây để phân biệt hành vi phạm tội chống người thi hành công vụ quy định tại Điều 257BLHS và hành vi phạm tội cố ý gây thương tích để cản trở người đang thi hành công vụ quy định tại điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS 1999 không phải trường hợp nào cũng dễ dàng. Mặc dù hai tội danh này được quy định tại hai điều luật khác nhau nhưng trong trường hợp người phạm tội sử dụng vũ lực để chống đối, cản trở hoặc không tuân lệnh người thi hành công vụ thì chúng có sự trùng lặp về chủ thể và sự thể hiện hành vi phạm tội ra bên ngoài. Vì vậy chỉ có thể phân biệt sự

khác nhau trong trường hợp cụ thể trên ở chỗ người phạm tội thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã gây ra hậu quả - thương tích hoặc tổn hại sức khỏe cho nạn nhân hay chưa. Bởi vì theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999 thì điều luật này đã bao quát xử lý tất cả các hành vi sử dụng vũ lực để chống đối hay cản trở người đang thi hành công vụ nếu người phạm tội sử dụng vũ lực và hậu quả gây ra làm người thi hành công vụ bị thương tích. Còn quy định tại Điều 257BLHS thì người phạm tội sẽ bị truy cứu TNHS về tội này nếu người đó có hành vi sử dụng vũ lực nhưng không (hoặc chưa) gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người thi hành công vụ. Như vậy, ở đây yêu cầu cần thiết là chúng ta cần xác định được hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác... của người phạm tội không phải thuộc các trường hợp được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 93 và điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS. Nếu hành vi chống người đang thi hành công vụ gây thương tích hoặc làm chết người đang thi hành công vụ thì người phạm tội phải chịu TNHS về tội giết người trong trường hợp "giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân" (điểm d khoản 1 Điều 93) hoặc là về tội "cố ý gây thương tích trong trường hợp "đe cản trở người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân" (điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS).

Đối chiếu với nội dung vụ án trên, chúng tôi đồng nhất với quan điểm của tác giả ở chỗ: Khi tổ bảo vệ của xã Thanh Lương đang làm nhiệm vụ trông coi đồng lúa và hoa màu của xã thì phát hiện Lã Văn Ba thả 500 con vịt vào khu ruộng lúa chín của thôn nên tổ bảo vệ đã yêu cầu Lã Văn Ba lùa đàn vịt về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thanh Lương để giải quyết. Lúc này, do nhận thức mình thả đàn vịt vào khu ruộng lúa chín là vi phạm các quy định của địa phương nên Lã Văn Ba đã chấp hành và lùa đàn vịt về trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đúng yêu cầu. Trong khi thực hiện yêu cầu của tổ bảo vệ, Lã Văn Ba không có bất kì hành vi nào thể hiện sự chống đối hay cản trở tổ bảo

vệ của xã thực thi nhiệm vụ, chức trách của mình. Mâu thuẫn chỉ xảy ra khi trên đường lùa đàn vịt về trụ sở Ủy ban nhân dân xã, khi đến ngõ nhà anh Khúc Văn Nhâm thì đàn vịt chạy ùa vào sân nhà anh Nhâm. Thấy vậy, anh Đỗ Văn Ngô (thành viên của tổ bảo vệ) bèn dùng cây thuốc Lào vọt xuống sân với mục đích để xua đàn vịt ra khỏi sân và đàn vịt sợ chạy xô đẩy lên nhau. Sự việc này làm cho ông Lã Văn Hóa (chú ruột của Lã Văn Ba) đang đứng ở ngõ thấy vậy bèn túm cổ áo anh Thông chửi bới gây sự. Còn Lã Văn Ba thấy anh Ngô dùng cây thuốc Lào để đuổi đàn vịt thì chạy lại giữ tay anh Ngô nên anh Ngô gạt tay ra, không may va vào cổ Ba, lập tức Ba đâm luôn vào mặt. Anh Thông thấy vậy chạy đến thì Ba lúi lại dùng thanh sắt dài khoảng 50cm vọt vào lưng anh Ngô hai cái. Như vậy, nguyên nhân chính khiến Ba bực tức, nổi nóng và hành động như vậy là do anh Ngô gạt tay vào cổ Ba khi Ba đang giữ tay anh Ngô. Ba không có hành vi chống đối hay cản trở anh Ngô thi hành công vụ được giao là yêu cầu Ba lùa đàn vịt về Ủy ban nhân dân xã. Giả sử trường hợp nếu Ba có ý định chống đối thì ngay từ lúc tổ bảo vệ yêu cầu Ba lùa đàn vịt về Ủy ban nhân dân xã, y hoàn toàn có thể chống đối hoặc cản trở không tuân theo mệnh lệnh của tổ bảo vệ.

Mặt khác, xem xét toàn bộ một chuỗi các sự việc từ lúc tổ bảo vệ đi tuần tra phát hiện và yêu cầu Ba lùa đàn vịt về trụ sở của xã để giải quyết cho đến khi xảy ra mâu thuẫn đánh nhau giữa Ba và anh Ngô, chúng tôi cũng nhận thấy trong ý thức và sự thể hiện về hành vi ra bên ngoài của Ba không có bất kỳ dấu hiệu nào để chống đối, cản trở người thi hành công vụ. Xuất phát từ sự bực tức do anh Ngô đuổi vịt làm đàn vịt quá sợ hãi chạy xô đẩy lên nhau và vì bị gạt tay va vào cổ nên Ba mới gây thương tích cho anh Ngô làm anh bị sang chấn, bầm tụ huyết ở mặt, thương tích làm giảm 10% sức lao động. Mục đích của Ba là sử dụng vũ lực để gây thương tích chứ không phải để cản trở, chống trả, không tuân theo lệnh của anh Ngô-người đang thi hành công vụ. Như vậy, đối chiếu nội dung vụ án với những quy định của pháp luật

hiện hành, chúng tôi cho rằng cần truy tố, xét xử Lã Văn Ba về tội cố ý gây thương tích để cản trở người thi hành công vụ theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS mới đảm bảo xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vụ án thứ hai: Do có mâu thuẫn từ trước, nên khi thấy anh Đặng Quốc Cường cùng với bố mẹ là ông Đặng Quốc Lập, bà Vũ Thị Lan và em ruột là Đặng Quốc Thái đang cắt tỉa cây cảnh thì bà Nguyễn thị Mơi ở nhà liền kề chửi bới, ném đá, làm hai bên cãi nhau, anh Thái đi báo Công an phường. Lúc này Nguyễn Minh Tiến (là con bà Mơi) cầm một ống tuýp inóc (dài 73cm, đường kính 3cm) từ trong nhà mình chạy sang, thấy anh Cường đang cầm dao trên tay, Tiến dùng ống tuýp inóc đập vào tay anh Cường làm dao rơi xuống đất, rồi đập tiếp một nhát vào đầu anh Cường. Cùng lúc đó, Nguyễn Công Đức (là anh trai Tiến) đến giằng ống tuýp và kéo Tiến về nhà.

Đi báo Công an về, biết việc Tiến đánh anh Cường nên anh Thái cầm búa và cùng với ông Lập, anh Cường đi sang nhà bà Mơi. Anh Thái túm tóc bà Mơi nói: "Bà dám đánh bố mẹ tôi hả!". Ngay lúc đó, Tiến cầm ống tuýp, Đức cầm con dao nhọn Thái lan từ trong nhà chạy ra. Tiến cầm ống tuýp đập vào tay cầm búa của anh Thái làm búa rơi xuống đất và đập tiếp một nhát vào đầu anh Thái, sau đó quay sang đập vào tay ông Lập, còn Đức dùng dao đâm vào tay anh Cường. Do sợ bị đánh, ông Lập, anh Cường và anh Thái bỏ chạy ra ngoài; Thấy vậy, Tiến và Đức đuổi theo, Tiến dùng ống tuýp đập một nhát vào lưng anh Thái làm anh Thái bị ngã, Đức giằng ống tuýp trên tay Tiến đuổi theo đập một nhát vào đầu ông Lập.

Ông Lập bị thương tích với tỷ lệ thương tật là 16%, anh Cường là 3% và anh Thái là 3%. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm nhận định; Các bị cáo dùng ống tuýp inóc là hung khí nguy hiểm, tấn công vào vùng trọng yếu trên cơ thể của người bị hại, có khả năng dẫn đến chết người, nạn nhân không chết là ngoài ý muốn của các bị cáo. Từ nhận định này, Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 93 BLHS xử phạt Nguyễn Minh Tiến 6

năm 6 tháng tù, Nguyễn Công Đức 5 năm tù đều về tội giết người. Vấn đề cần trao đổi là xác định tội danh đối với các bị cáo.

Như trên đã phân tích, BLHS quy định nhiều loại tội phạm có hành vi khách quan tương tự với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, đặc biệt là các loại tội gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe. Tuy nhiên, khi định tội danh trong các vụ án gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, trước hết phải căn cứ vào ý thức chủ quan của người phạm tội, động cơ, mục đích. Trong trường hợp các bị cáo không khai báo về động cơ, mục đích hoặc nếu chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo thì chưa đủ cơ sở để xác định mục đích, động cơ phạm tội, thì hung khí, vị trí tấn công, mức độ quyết liệt của hành vi tấn công, lực tác động và hậu quả thực tế xảy ra... là những tình tiết để xem xét, đánh giá, xác định ý thức chủ quan (động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo). Trường hợp người phạm tội không có ý định tước đoạt tính mạng của nạn nhân hoặc bỏ mặc cho hậu quả xảy ra và nạn nhân không bị chết thì không thể kết luận các bị cáo phạm tội "giết người", mà hành vi phạm tội có thể cấu thành tội "cố ý gây thương tích".

Trong vụ án này, không có đủ cơ sở khẳng định bị cáo mong muốn tước đoạt tính mạng của các nạn nhân. Tuy các bị cáo có dùng hung khí nguy hiểm đánh vào vùng trọng yếu trên cơ thể người bị hại, nhưng mức độ tấn công không quyết liệt, lực tác động không mạnh; hậu quả thực tế những người bị hại chỉ bị chấn thương phần mềm ở đầu, tỷ lệ thương tật thấp. Do đó, dù các bị cáo tấn công những người bị hại và chấp nhận hậu quả xảy ra thì hành vi của các bị cáo cũng chỉ cấu thành tội "cố ý gây thương tích".

Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm xác định các bị cáo phạm tội "Giết người" là không đúng. Từ việc định tội danh không chính xác dẫn đến mức hình phạt (6 năm 6 tháng và 5 năm tù) mà Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm áp dụng đối với các bị cáo là nặng.

2.2.2.2. Những hạn chế, thiếu sót, vướng mắc trong định khung

hình phạt các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định ba khung tăng nặng TNHS, mười tình tiết định khung tăng nặng quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS trong đó có nhiều tình tiết tương tự với một số tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS. Bên cạnh đó tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có ba khung tăng nặng TNHS nên trong thực tế các cơ quan có thẩm quyền gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng pháp luật quyết định khung hình phạt của người phạm tội. Để minh chứng sự phức tạp và khó khăn của cơ quan có thẩm quyền trong việc định khung hình phạt chúng tôi xin phân tích qua vụ án sau:

Khoảng 18 giờ ngày 31/10/2009, Trần Sơn Tây đến nhà Lê Hữu Lâm ở cùng thôn Vĩnh Thành, Cát Tài, Phù Cát (tỉnh Bình Định) để ăn giỗ. Cùng ngồi bàn ăn với Tây có Lê Hữu Nhựt (em rể Tây) và một số bạn bè khác. Qua nhiều lượt uống rượu thì Nhựt không uống nữa xin phép đi về, nhưng Tây không cho mà bắt Nhựt ngồi lại để Tây nói chuyện. Nhựt không đồng ý nên đứng dậy bỏ đi thì Tây đứng lên dùng tay phải cầm chai rượu thủy tinh (loại voska Hà Nội) ở trên bàn đâm thẳng vào mặt của Nhựt. Hậu quả làm Lê Hữu Nhựt bị thương tật 45% do bị vỡ nhãn cầu và phải khoét bỏ mắt phải.

Xung quanh vụ án này có hai quan điểm trái ngược nhau về việc áp dụng Điều 104 BLHS để truy cứu TNHS đối với Trần Sơn Tây về tội cố ý gây thương tích. Quan điểm thứ nhất cho rằng, gây thương tích làm nạn nhân bị khoét bỏ một mắt với tỉ lệ thương tật là 45% là gây cố tật nhẹ cho nạn nhân. Cho nên, phải truy cứu TNHS Trần Sơn Tây về tội cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS "Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60%, nhưng thuộc một trong các trường hợp

qui định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm".

Quan điểm thứ hai thì ngược lại và cho rằng, gây thương tích làm nạn nhân bị khoét bỏ một mắt với tỉ lệ thương tật là 45% không phải là gây cố tật nhẹ cho nạn nhân. Cho nên, phải truy cứu TNHS Trần Sơn Tây về tội cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS: "Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp qui định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm" [18].

Chúng tôi cho rằng sở dĩ có các quan điểm khác nhau trong vụ án này bởi vì xuất phát từ cách hiểu không thống nhất về tình tiết định khung "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân". Áp dụng vào vụ án này ta thấy "Trần Sơn Tây dùng chai rượu voska đâm thẳng vào mặt Lê Hữu Nhựt làm Lê Hữu Nhựt bị thương tật 45% do bị vỡ nhãn cầu và phải khoét bỏ mắt phải", mà theo hướng dẫn tại mục 1 phần I Nghị quyết 02/2003/Nghị quyết-HĐTP thì chỉ được coi là cố tật nhẹ nếu tỷ lệ thương tích dưới 11%. Do vậy từ những căn cứ trên chúng tôi kết luận không thể áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" với bị cáo Trần Sơn Tây.

Tuy nhiên có ý kiến cho rằng, không áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" với bị cáo Trần Sơn Tây nên sẽ áp dụng phải truy cứu TNHS đối với Trần Sơn Tây về tội cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS. Quan điểm này cũng không chính xác, bởi vì căn cứ vào tình tiết vụ án cho thấy Trần Sơn Tây đã "dùng chai thủy tinh đâm thẳng vào mặt Lê Hữu Nhựt" theo chúng tôi đây là hung khí nguy hiểm cho nên phải truy cứu TNHS đối với Trần Sơn Tây theo khoản 3, Điều 104 BLHS mới phù hợp.

Về tình tiết định khung tăng nặng "dẫn đến chết người" quy định tại

khoản 3, Điều 104 BLHS cũng gặp nhiều khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án, có rất nhiều quan điểm khác nhau về việc định tội cũng như định khung hình phạt trong vụ án này tác giả xin đưa ra vụ án sau để thấy rõ những khó khăn của cơ quan xét xử:

Gia đình ông Nguyễn Văn Phát xảy ra tranh chấp nhà đất giữa vợ chồng ông Phát, bà Lánh và con dâu là chị Lê Thị Len, Nguyễn Bá Tráng là con trai chị Len và là cháu nội ông Phát, bà Lánh.

Ngày 8/6/2009 Tráng và chị Len chặt cây để dọn vườn nhưng ông Phát không cho chặt, nhưng Tráng vẫn chặt được một số cây thì vương tổ ong nên không chặt nữa vào nhà xem ti vi. Ông Phát vào nhà và đâm thẳng vào mặt Tráng. Tráng tránh và dùng tay gạt tay ông Phát ra rồi chạy ra hiên, ông Phát đuổi theo túm chân nhưng Tráng vẫn giằng ra và chạy xuống sân. Ông Phát dùng tay phải túm vào tay trái Tráng. Tráng lấy tay phải bám vào tay phải ông Phát để giật tay ông Phát ra, ông Phát dùng tay trái túm lấy tay phải Tráng. Ông Phát định vặn tay Tráng nhưng Tráng ghi lại được, ông Phát kéo Tráng về mình thì Tráng kéo ngược lại. Tráng kéo và đẩy mạnh làm ông Phát ngã ngửa xuống sân, rồi Tráng đi ra ngoài ngõ và gọi điện cho chị gái thông báo lại sự việc. Tráng vào nhà đi ruột và nhờ bạn là Nguyễn Văn Nhượng xem tình hình ông Phát. Khi biết tin ông Phát bị đưa vào Trung tâm đa khoa Tú Sơn bị nguy kịch, Tráng đã đến Công an xã Tú Sơn trình báo lại sự việc. Ông Phát tử vong.

Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm tử thi ông Phát xác định trên da đầu, vùng đỉnh chẩm phải có vết tím da (ranh giới không rõ) kích thước 3x4cm; mặt sau khuỷu tay phải có vết trợt da bề mặt màu nâu đỏ kích thước 5,5x1cm; mặt sau và mặt ngoài khuỷu tay trái có vết trợt da bề mặt màu nâu đỏ kích thước lần lượt là 1,2x1cm và 1cm x 0,8cm.

Về thương tật và nguyên nhân cái chết của ông Nguyễn Văn Phát

được kết luận bằng kết quả kết luận giám định pháp y số 159 ngày 15.6.2009 của phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hải Phòng xác định các dấu vết thương tích trên người ông Phát hình thành trước khi chết do cơ chế va đập với vật tày, diện rộng, nguyên nhân chết do sóc chấn thương sọ não.

Bị cáo bị truy tố theo khoản 3 Điều 104 BLHS "phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỉ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người..." [18].

Về lý luận, để truy cứu TNHS một người theo quy định khoản 3 Điều 104 BLHS với tình tiết định khung tăng nặng "dẫn đến chết người" cần làm rõ hai vấn đề: 1) Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi cố ý gây thương tích với hậu quả nạn nhân chết hay không; 2) người phạm tội có lỗi với hậu quả chết người hay không? Nếu có lỗi thì là lỗi cố ý hay vô ý.

Thứ nhất: Căn cứ vào quy định của pháp luật, căn cứ vào các kết quả khoa học, căn cứ vào tình tiết vụ án trên chúng tôi thấy rằng hành vi của Nguyễn Bá Tráng có mối quan hệ nhân quả đối với hậu quả là ông Nguyễn Văn Phát chết bởi vì: Theo hướng dẫn tại tại mục VI Nghị quyết số 01-89/HĐTP ngày 19-01-1989 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn về thương tích dẫn đến chết người (tuy văn bản này đã hết hiệu lực nhưng hiện nay chưa có văn bản pháp luật khác thay thế, nên các cơ quan có thẩm quyền vẫn áp dụng tinh thần của văn bản này) "Thương tích dẫn đến cái chết trước hết là thương tích nặng làm cho nạn nhân chết vì thương tích quá nặng này", nghĩa là giữa thương tích và cái chết của nạn nhân có mối quan hệ nhân quả.

Cũng coi là cố ý gây thương tích dẫn đến chết người trường hợp thương tích không phải là thương tích nặng, nhưng nạn nhân là người quá già yếu (trong trường hợp này Ông Nguyễn Văn Phát đã 73 tuổi - là người già, vì thế nên Nguyễn Bá Tráng phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 BLHS. Về cách hiểu thương tích nặng, được hướng dẫn cụ thể

tại mục V của nghị quyết số 01-1989/HĐTP; 2) Bản giám định pháp y số 159 ngày 15.6.2009 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng xác định các dấu vết thương tích trên người ông Phát hình thành trước khi chết do cơ chế va đập với vật tày, diện rộng, nguyên nhân chết do sốc chấn thương sọ não.

Từ những căn cứ khoa học trên chúng tôi có thể khẳng định thương tích mà Nguyễn Bá Tráng gây ra cho ông Nguyễn Văn Phát là thương tích nặng đã dẫn đến việc ông Phát tử vong.

Thứ hai: Xét về yếu tố lỗi của bị cáo, chúng tôi cho rằng bị cáo Nguyễn Bá Tráng hoàn toàn có lỗi đối với hậu quả nạn nhân là ông Phát chết bởi vì nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết của ông Phát là do những hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng của các bị cáo gây nên. Trong vụ án "Ông Phát kéo Tráng về mình thì Tráng kéo ngược lại. Tráng kéo và đẩy tay mạnh làm cho ông Phát ngã ngửa xuống sân" cho thấy Nguyễn Bá Tráng đã dùng chân tay không để gây thương tích cho ông Phát. Bên cạnh đó mâu thuẫn giữa các bên chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, qua các hành vi của Nguyễn Bá Tráng thì thấy bị cáo không mong muốn hoặc chấp nhận hậu quả ông Phát (cũng là ông nội của Tráng) chết. Chính vì vậy nên TAND huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xét xử Nguyễn Bá Tráng theo khoản 3 Điều 104 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật và thỏa đáng.

2.2.2.3. Những hạn chế, thiếu sót, vướng mắc trong quyết định hình phạt đối với các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Việc quyết định hình phạt sao cho phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cũng như đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục người phạm tội không phải là một vấn đề đơn giản. Khi quyết định hình phạt cơ quan có thẩm quyền cần xem xét một cách khách quan, toàn diện vụ án, tuy nhiên có rất nhiều vụ án cơ quan có thẩm quyền quyết định hình phạt không thực sự phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện.

Vụ án sau đây là một ví dụ: Khoảng 22 giờ ngày 01/9/2009 anh Trần Đức Tâm rủ anh Phan Trọng Hiếu, Phan Tứ Quyết, Dương Đức Hiệu và Đặng Đình Vinh và một người có tên là Công đi ăn đêm tại quán Phương Thảo thuộc tổ Mỏ Bạch 1, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên do Nguyễn Mạnh Hà là chủ quán. Đến quán, anh Tâm gọi đồ ăn rồi cả nhóm cùng ăn đến 24 giờ thì anh Tâm đứng dậy trả tiền cho anh Hà hết 520.000đ, sau đó anh Tâm, anh Công đi về còn mọi người vẫn ngồi ăn tại quán. Lúc này có anh Nguyễn Đình Tuyên, anh Phan Thanh Nam là bạn của Hiếu đến quán và ngồi cùng ăn. Đến khoảng 1 giờ ngày 02/9/2009 trong lúc ngồi ăn, theo Vinh khai Vinh nhận được điện thoại của người quen tên là Tân nói rằng: "Tân biết Vinh và bạn của Vinh ra quán làm gì rồi, Hà là bạn của Tân, có gì nhờ Vinh hộ", Vinh liền gọi Hà ra. Vinh nói "mày định gọi thằng Tân ra để đấu chọi với hội tao à?". Hà bảo không có chuyện gì, hai bên lời qua tiếng lại, Vinh dùng tay phải tát trúng mặt Hà. Hà liền chạy vào trong nhà cầm một con dao thái phở rộng 10cm, dài khoảng 30cm, lưỡi dài bằng sắt, chuôi gỗ và một con dao quắm chuôi gỗ, lưỡi dao bằng sắt dài 35cm (là dao của gia đình Hà) lao ra bàn ăn nơi nhóm của Vinh đang ngồi ăn và hô "chém chết mẹ chúng nó đi". Nghe thấy Hà hô như vậy, một số người ngồi ăn trong quán của Hà cầm ống tuýp nước, điều cày đuổi đánh nhóm của Vinh. Còn Hà dùng dao chém liên tiếp về phía nhóm của Vinh. Hà chém một nhát vào đầu và một nhát vào khuỷu tay phải của anh Phan Trọng Hiếu. Anh Hiếu liền chạy ra khỏi quán theo đường Dương Tự Minh theo hướng phường Quan Triều. Khi Hà đuổi được khoảng 20-25m thì gặp tổ bảo vệ dân phố. Thấy vậy Hà liền chạy ngược lên ngõ 885 đường Dương Tự Minh thì gặp anh Phan Tứ Quyết cũng chạy đến đó. Hà liền cầm dao đuổi theo anh Quyết. Khi đuổi đến chân cột điện (cách quán của Hà khoảng 200m) Hà dùng dao chém một nhát vào đùi anh Quyết. Anh Dương Đức Hiệu bị một thanh niên không quen biết dùng tuýp nước sắt vọt 1 nhát vào sườn trái, chém 1 nhát vào bả vai phải, 1 nhát vào khuỷu tay trái.

Ngay lúc đó lực lượng bảo vệ tổ dân phố và cảnh sát 113 đến giải tỏa đưa người bị thương đi cấp cứu, tiến hành lập biên bản sự việc và thu giữ vật chứng.

Tại bản giám định pháp y số 310-311-312 ngày 20/10/2009 của Tổ chức Giám định pháp y tỉnh Thái Nguyên kết luận: Tỷ lệ thương tật toàn bộ của anh Hiếu là 27% (vĩnh viễn 2%, tạm thời 25%, anh Quyết là 27% xếp hạng thương tật vĩnh viễn, anh Hiệu là 10% xếp hạng thương tật vĩnh viễn.

Bản án Hình sự sơ thẩm số: 149/2010/HSST ngày 21/6/2010 TAND thành phố Thái Nguyên áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, đ, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 BLHS, xử phạt Nguyễn Mạnh Hà 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "cố ý gây thương tích".

Chúng tôi đồng tình với quan điểm định tội danh với bị cáo Nguyễn Mạnh Hà về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 2 Điều 104 BLHS, tuy nhiên chúng tôi không đồng tình với việc quyết định hình phạt trong bản án hình sự sơ thẩm số 149/2010/HSST ngày 21/6/2010 của TAND thành phố Thái Nguyên bởi mức án mà Tòa án đã áp dụng cho bị cáo Nguyễn Mạnh Hà không tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, không đảm bảo mục đích trừng trị, giáo dục người phạm tội. Tình tiết Nguyễn Mạnh Hà chạy vào trong nhà cầm một con dao thái phở rộng 10cm, dài khoảng 30cm, lưỡi dài bằng sắt, chuôi gỗ và một con dao quắm chuôi gỗ, lưỡi dao bằng sắt dài 35cm (là dao của gia đình Hà) lao ra bàn ăn nơi nhóm của Vinh đang ngồi ăn và hô "chém chết mẹ chúng nó đi" và "cầm dao chém liên tiếp về phía nhóm của Vinh". Hà chém một nhát vào đầu và một nhát vào khuỷu tay phải của anh Phan Trọng Hiếu... gây thương tích cho anh Hiếu, khi anh Hiếu bỏ chạy thì Hà tiếp tục đuổi theo, gặp Quyết, "Hà dùng dao chém luôn vào đùi Quyết" gây ra thương tích 27% cho anh Quyết. Qua những hành vi trên cho thấy tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà

bị cáo Nguyễn Mạnh Hà đã thực hiện. Mặc dù thương tích bị cáo gây ra cho anh Hiếu và anh Quyết là 27% nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, ban đầu bằng việc chạy vào trong nhà cầm dao (hung khí nguy hiểm) và chém liên tiếp về phía nhóm của Vinh bất kể vào ai. Bị cáo ý thức được hậu quả sẽ xảy ra, song đồng thời Hà còn kích động, hô hoán lên nên một số người ngồi trong quán ăn đã dùng tuýp nước đánh gây thương tích cho anh Dương Đức Hiếu; bản thân bị cáo trực tiếp dùng dao gây thương tích cho Vinh và Quyết (phạm tội đối với nhiều người), khi Vinh bỏ chạy, bị cáo còn đuổi theo. Hành vi trên thể hiện tính côn đồ, hung hãn, coi thường pháp luật của bị cáo. Thế nhưng bản án hình sự sơ thẩm số 149/2010/HSST ngày 21/6/2010 ngày 22/9/2005 TAND thành phố Thái Nguyên chỉ tuyên phạt Bùi Văn Hiệp 15 tháng tù về tội "cố ý gây thương tích", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng là không phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo Nguyễn Mạnh Hà đã thực hiện và hậu quả xảy ra trên thực tế.

Vụ án thứ hai [27]: Khoảng 16 giờ 16/2/2009, ông Nguyễn Văn Lộ, sinh năm 1958, Nguyễn Xuân Truyền, sinh năm 1961, Nguyễn Văn Phóng, sinh năm 1974 cùng ông Nguyễn Xuân Khởi, sinh năm 1947 ngồi uống rượu với nhau tại nhà ông Khởi. Trong câu chuyện có nhắc đến việc cháu của anh Truyền lấy trộm xe đạp. Ông Lộ nói "Con cháu các ông nó hư mà sửa được là tốt cho gia đình các ông". Sau đó giữa anh Truyền và ông Lộ xảy ra mâu thuẫn với nhau, có lời nói xúc phạm đến nhau, ông Lộ ra về. Khoảng hơn 18 giờ cùng ngày ông Lộ đứng ở sân nhà, thấy anh Truyền đi xe đạp ở đường xóm qua khu vực nhà ông Lộ, ông Lộ đã chửi bới, xúc phạm, cụ thể gọi tên bố, tên ông nội của anh Truyền. Đang ngồi ăn cơm ở nhà mình, ông Nguyễn Văn Tuyển là anh trai của anh Truyền nghe thấy ông Lộ chửi bới, xúc phạm đến gia đình mình, ông Tuyển đi bộ ra vườn ở đầu nhà phía tây thấy ông Lộ đứng ở vườn phía sau nhà tắm nhà ông Lộ đang chửi bới thách thức đe dọa, xúc phạm đến

gia đình. Ông Tuyên nói: "Lộ kia, tao làm gì mà mày chửi", nhưng ông Lộ vẫn chửi tục xúc phạm đến gia đình nhà ông Tuyên. Thấy ông Lộ chửi bới, xúc phạm một cách vô cớ đến gia đình nhà mình, ông Tuyên đã nhặt 1/2 viên gạch đã nung đỏ có sẵn ở vườn dùng tay phải ném viên gạch về phía ông Lộ đang đứng, viên gạch trúng vào tường phía sau nhà tắm nhà ông Lộ. Thấy ông Lộ vẫn tiếp tục chửi tục xúc phạm gia đình mình, ông Tuyên lại nhặt 1/2 viên gạch đã nung đỏ ném bằng tay phải về phía ông Lộ đang đứng. Sau khi ném viên gạch thứ hai về phía ông Lộ thì bà Nguyễn Thị Xanh là vợ ông Tuyên ra can ngăn và đẩy ông Tuyên về nhà. Viên gạch thứ hai do ông Tuyên ném đã trúng vào mắt phải ông Lộ làm ông Lộ bị thương rách da chảy máu bị choáng gục tại chỗ. Ông Lộ đã đi điều trị ở Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Phụ, Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình và Bệnh viện mắt Trung ương.

Bản kết luận giám định thương tích số 235 ngày 06/10/2009 của tổ chức Giám định pháp y tỉnh Thái Bình đã kết luận thương tích của ông Lộ: "Bị chấn thương mắt phải được phẫu thuật cắt thủy tinh thể, dịch kính, cắt bè, hiện tại, mắt phải bị mù với tỷ lệ thương tích 41%".

Bản án sơ thẩm của TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã áp dụng khoản 3 Điều 104 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tuyên 5 năm 6 tháng tù.

Cũng như vụ án trên, chúng tôi đồng tình với quan điểm định tội danh với bị cáo Nguyễn Văn Tuyên về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Điều 104 BLHS, tuy nhiên mức hình phạt 05 năm 06 tháng tù mà Tòa án đã tuyên cho bị cáo là nặng, bởi lẽ:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, theo lời khai của bị cáo, bị hại, nhân chứng tại phiên tòa thì: Nguyên nhân của việc bị cáo gây thương tích cho ông Lộ là do ông Lộ đã có hành vi chửi tục, xúc phạm đến bố và ông nội của bị cáo. Bị cáo cũng đã nhắc nhở ông Lộ nhưng không những ông Lộ không thôi chửi láo, mà ông lại càng chửi nhiều hơn. Chính hành vi này của

ông Lộ đã khiến bị cáo dùng gạch ném ông với mục đích để ông thôi không chửi nữa. Nhưng ông Lộ vẫn tiếp tục chửi, và vì vậy mà bị cáo ném viên gạch thứ hai. Theo lời khai của những người tham gia tố tụng thì khoảng cách giữa bị cáo và ông Lộ khoảng 20m và ngăn cách giữa vườn nhà bị cáo và vườn nhà ông Lộ bởi một chiếc tường cao qua đầu người, người đứng ở bên này không nhìn thấy người đứng ở vườn bên kia. Bị cáo có hành vi dùng tay phải ném 1/2 viên gạch về phía phát ra tiếng chửi (khi ông Lộ đi từ sân ra vườn thì bị cáo không nhìn thấy ông Lộ), nhưng viên gạch đã rơi trúng vào mắt của ông Lộ làm ông Lộ bị thương tích 41%.

Trong vụ án này, phía bên bị hại cũng có lỗi, nó là nguyên nhân đã gây ra hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của hành vi phạm tội, bị cáo không mong muốn xảy ra. Sau khi gây thương tích cho ông Lộ, gia đình bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường cho ông Lộ các khoản chi phí khám và chữa bệnh, tiền công người phục vụ, tiền tổn hại sức khỏe... Lẽ ra, khi lượng hình Tòa án cần xem xét các yếu tố như trên để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS xử bị cáo dưới khung của hình phạt với mức án 4 năm tù là phù hợp.

2.3. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ, THIẾU SÓT, VƯỚNG MẮC TRONG XÉT XỬ CÁC TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TÔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

Trong những năm qua, trước diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm nói chung và các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Nhà nước ta cũng đã sửa đổi, bổ sung quy định của BLHS theo hướng hoàn thiện và phù hợp với tình hình thực tiễn. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng pháp luật trong hoạt động tố tụng còn nhiều những vướng mắc bất cập được quyết định bởi những nguyên nhân sau đây.

2.3.1. Nguyên nhân khách quan

Qua phân tích, đánh giá các quy định pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác còn nhiều bất cập. Những khó khăn, bất cập nêu trên có nhiều nguyên nhân khách quan, trong đó cơ bản phải kể đến các nguyên nhân sau:

Một trong những nguyên nhân khách quan cơ bản là quy định của pháp luật hiện hành về các tội này tuy đã có bước tiến vượt bậc so với BLHS 1985 nhưng vẫn bộc lộ một số bất cập, chưa thực sự phù hợp với thực tế xã hội, trong điều luật còn có những tình tiết còn chưa cụ thể. Cụ thể như sau:

Một là, phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người. Do luật không qui định trường hợp phạm tội cùng một lúc, ngay trong một khoảng thời gian mà gây thương tích cho nhiều người, mỗi người có một tỷ lệ thương tật khác nhau thì có được cộng thương tích của nhiều người lại với nhau để áp dụng khung hình phạt tương ứng để xét xử người phạm tội hay không. Thực tế do luật không qui định cụ thể nên qua công tác xét xử thấy có điều bất hợp lý là: Một người dùng dao chém một người với tỷ lệ thương tật 25% được áp dụng khoản 2 Điều 104 BLHS để xét xử, còn một người dùng dao chém cùng một lúc 4 người với tỷ lệ thương tật một người 10%, một người 20%, một người 23% và một người 25% thì cũng vẫn chỉ áp dụng khoản 2 Điều 104 BLHS để xét xử. Đây là điều bất hợp lý vì người gây thương tích cho cùng một lúc 4 người có tính nguy hiểm và gây hậu quả cao hơn đối với người gây thương tích cho một người.

Tương tự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 105): Theo quy định của Điều luật này, người nào "cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" mới cấu thành tội phạm. Trường hợp người này cùng một lúc gây thương tích cho nhiều người mà tỷ lệ

thương tật của mỗi người dưới 31% nhưng tổng cộng tỷ lệ thương tích gây ra lớn hơn 60% thì chưa có quy định trong điều luật; đây cũng là vướng mắc dễ để lọt tội phạm.

Hai là, BLHS không quy định rõ dấu hiệu riêng của của tội giết người nên phân định ranh giới giữa tội cố ý gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người và tội giết người, trên thực tế chỉ dựa vào việc các cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội để định tội danh, mà việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm chỉ mang tính cảm tính. Từ đó sẽ dẫn đến việc áp dụng pháp luật không đúng, không thống nhất giữa các cơ quan tố tụng do việc đánh giá khác nhau về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, kết quả là áp dụng không đúng pháp luật và không thống nhất. Thực tiễn, có nhiều trường hợp chỉ ý thức là cố ý gây thương tích nhưng chết người thì lại phạm tội "Giết người" và ngược lại "Cố ý" tước đoạt mạng sống mà không chết thì chỉ bị truy tố về tội "Cố ý gây thương tích". Hành vi cố ý gây thương tích ở vùng nguy hiểm đến tính mạng và tội giết người trên thực tế rất khó phân biệt. Các văn bản hướng dẫn cũng chưa nêu rõ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi đến mức nào thì cấu thành tội giết người, chỉ nêu vị trí nguy hiểm đến tính mạng nên có nhận thức luật và áp dụng không thống nhất.

Ba là, Điều 104, Điều 105 và Điều 106 quy định tỷ lệ thương tật là yếu tố bắt buộc để định tội và định khung hình phạt. Nếu không có tỷ lệ thương tật thì các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ không có căn cứ để xác định hành vi vi phạm pháp luật đến mức độ xử lý hình sự hay xử lý hành chính và nếu xử lý hình sự thì ở khoản nào của điều luật... Theo cấu thành các tội phạm này thì việc xử lý về mặt hình sự khi: có kết luận giám định thương tích của cơ quan pháp y, có yêu cầu khởi tố của người bị hại.... Khi áp dụng quy định này gặp một số vướng mắc như sau:

* Theo Điều 105 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003:

1. Những vụ án về các tội phạm được quy định tại khoản 1 các điều 104, 105, 106, 108, 109, 111, 113, 121, 122, 131 và 171 của Bộ luật hình sự chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại hoặc của người đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất.

2. Trong trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm thì vụ án phải được đình chỉ.

Trong trường hợp có căn cứ để xác định người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu khởi tố trái với ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì tuy người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án vẫn có thể tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án.

Người bị hại đã rút yêu cầu khởi tố thì không có quyền yêu cầu lại, trừ trường hợp rút yêu cầu do bị ép buộc, cưỡng bức [20].

Quy định này của Bộ luật tố tụng hình sự đã góp phần làm cho việc áp dụng quy định về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác BLHS gặp khó khăn. Trường hợp người bị hại cố tình không thực hiện việc giám định tỷ lệ thương tích nhằm giúp bị can thoát tội chưa được quy định. Thực tế có nhiều trường hợp không khởi tố hình sự được vì người bị hại bị đe dọa hoặc được bồi thường nên không đi giám định, từ chối giám định. Hiện chưa có chế tài nào điều chỉnh nên không có căn cứ để xử lý về hình sự đối với người vi phạm. Do đó thực tiễn xử lý tội phạm này thiếu kịp thời, ít có tác dụng răn đe, khó xử lý đối với đối tượng có thể lặn hoặc có điều kiện khi thực hiện hành vi vi phạm. Hiện tượng tiêu cực dễ nảy sinh như đối với bị cáo, gia đình bị cáo có điều kiện kinh tế có thì thường qua thương lượng... người bị hại không yêu cầu khởi tố hoặc rút yêu cầu khởi tố. Ngược lại đối với bị cáo không có điều kiện kinh tế thì phải bị khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Đây là một bất hợp lý nhưng lại diễn ra phổ biến,

gây bất bình trong xã hội suốt thời gian qua.

* Khi tiến hành giám định tỷ lệ thương tật, các giám định viên phải căn cứ vào các quy định trong bản quy định tỷ lệ thương tật kèm theo Thông tư số 12/TT-LB ngày 26/7/1995 của liên Bộ Y tế, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về tiêu chuẩn thương tật và tiêu chuẩn bệnh mới. Trong bản quy định này lại quy định việc xác định tỷ lệ theo khung như:... cứng khớp 1 bên vai, trong đó có quy định tỷ lệ khác nhau: a) Mức độ hạn chế tác động ít thì xác định tỷ lệ là 11-25%; b) mức độ hạn chế tác động nhiều, tỷ lệ được xác định là 21-25% do vậy dẫn đến tình trạng mỗi giám định viên có sự đánh giá và kết luận tỷ lệ thương tật khác nhau. Ngoài ra, còn vấn đề nữa liên quan đến giám định thương tích là trong quá trình đấu tranh phòng, chống loại tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác khi cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu giám định. Tùy từng trường hợp cụ thể, cơ quan giám định kết luận hai loại thương tích đó là "thương tích tạm thời" và "thương tích vĩnh viễn", rõ ràng hai loại thương tật này khác nhau về mức độ thiệt hại, không ít trường hợp nếu là thương tật tạm thời mà giám định lại thì kết quả sẽ khác, ảnh hưởng đến việc định khung hình phạt hoặc định lượng hình phạt. Có những trường hợp để có kết luận thương tích vĩnh viễn người bị hại cần phải có thời gian dài điều trị để ổn định thương tích và thời gian đó vượt quá thời hạn điều tra, truy tố, xét xử. Như vậy lấy tỷ lệ thương tích nào làm căn cứ xử lý cho đúng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Và vì vậy, khi xét xử sẽ gây ra sự lúng túng trong việc đánh giá các chứng cứ, hoặc đánh giá chứng cứ không đầy đủ, thiếu khách quan, toàn diện, dẫn đến quyết định sai lầm. Vấn đề này các cơ quan chức năng cũng cần có những hướng dẫn quy định cụ thể.

Bón là, xét về mặt kỹ thuật lập pháp, các tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đã tiến bộ vượt bậc có bước thay đổi về chất so với Điều 109 BLHS 1985; đã xây dựng được chính

xác cấu thành cơ bản, cá thể hóa được TNHS của bị can, bị cáo và khắc phục được căn bản được việc quy định có tính chất chung chung, trừu tượng. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện BLHS 1999, các nhà làm luật không thể dự liệu hết các tình huống pháp lý xảy ra trong cuộc sống. Do kỹ thuật lập pháp chưa chặt chẽ, nên khi áp dụng Điều 104 BLHS 1999 về tội cố ý gây thương hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và tại Điều 105 BLHS 1999 về tội cố ý gây thương hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, có trường hợp người bị hại có tỷ lệ thương tật 30,5% không thuộc trường hợp nào trong điều luật quy định tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hay từ 31% đến 60%. BLHS chưa quy định TNHS đối với hành vi "gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác từ 30% đến dưới 31%, từ trên 60% đến dưới 61%.

Năm là, các tội cố ý gây tổn hại sức khỏe của người khác không mô tả hành vi khách quan nên khó xác định chính xác tội danh và áp dụng thống nhất nên thực tế không áp dụng tội này mà chỉ áp dụng tội cố ý gây thương tích cho người khác.

Sáu là, đối với tội cố ý gây tổn hại sức khỏe của người khác (Điều 104 BLHS năm 1999):

* Tại điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS là "dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm gây nguy hại cho nhiều người". Pháp luật hiện hành tuy đã quy định về hung khí nguy hiểm nhưng lại quy định theo cách liệt kê, không làm sáng tỏ nội hàm, cũng như phạm vi của khái niệm phương tiện nguy hiểm. Cách quy định hướng dẫn trên vẫn chưa thực sự khoa học, làm cho việc áp dụng pháp luật không thống nhất trong phạm vi cả nước. Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP tuy đã hướng dẫn cách hiểu về công cụ phương tiện nguy hiểm nhưng trong lý luận, cũng như thực tế vẫn còn cách hiểu khác nhau về tình tiết định khung tăng nặng "dùng hung khí nguy hiểm".

Quan điểm thứ nhất, chỉ có thể áp dụng tình tiết định khung tăng nặng

"dùng hung khí nguy hiểm" nếu bản thân phương tiện mà người phạm tội là hung khí nguy hiểm và phải căn cứ vào cách thức sử dụng phương tiện đó của người phạm tội.

Quan điểm thứ hai: cho rằng áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "dùng hung khí nguy hiểm" nếu người phạm tội sử dụng vũ khí, phương tiện nguy hiểm trong quá trình gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác mà không phụ thuộc vào cách thức sử dụng của người phạm tội, chỉ cần xem xét bản thân phương tiện mà người phạm tội sử dụng là hung khí nguy hiểm.

Về "phương tiện nguy hiểm", theo chúng tôi, phương tiện nguy hiểm là công cụ được chế tạo ra nhằm phục vụ cho cuộc sống của con người, phương tiện nguy hiểm cũng có thể do người phạm tội chế tạo ra nhằm làm phương tiện thực hiện tội phạm, hoặc vật có sẵn trong tự nhiên mà người phạm tội có được và nếu sử dụng công cụ, dụng cụ hoặc đồ vật đó tấn công người khác thì sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe của người bị tấn công. Về công cụ, dụng cụ ví dụ như búa đinh, dao phay, các loại dao sắc nhọn..., về vật mà người phạm tội chế tạo ra như thanh sắt nhọn, côn gỗ...; vật có sẵn trong tự nhiên như gạch, đá, đoạn gậy cứng chắc, thanh sắt... (trong thực tế xét xử có bị cáo dùng 1/2 viên gạch ném trúng chân người bị hại thương tích 7% đã bị truy tố xét xử về tội cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 104 BLHS). Như vậy, nếu hiểu "hung khí nguy hiểm" như hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán TANDTC để áp dụng vào tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì hầu hết các bị cáo đều bị coi là đã sử dụng hung khí nguy hiểm. Còn việc không dùng hung khí nguy hiểm như đấm đá bằng tay chân tỷ lệ rất ít. Do vậy, thực tế xét xử những người phạm tội đều phải chịu tình tiết tăng nặng định khung là "dùng hung khí nguy hiểm", đây cũng là một điểm bất hợp lý của Điều luật. Theo chúng tôi không nên quy định như hiện hành cần phải sửa đổi, hướng sửa đổi tôi xin đề xuất ở chương sau.

Trở lại với quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS:

Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

- a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;
- b) Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân;
- c)... [18].

Trong cuộc sống dễ phát sinh những mâu thuẫn, có những mâu thuẫn, xích mích dẫn đến thương tích nhẹ trong nội bộ nhân dân trong nhiều năm qua được giải quyết bằng nhiều hình thức khác nhau như thông qua tổ hòa giải hoặc kiểm điểm giáo dục trong tổ dân phố, thôn, bản v.v..., hoặc xử phạt hành chính bằng bản án dân sự, buộc bồi thường bằng dân sự... Bằng những biện pháp trên, về cơ bản đã ổn định, dàn xếp mâu thuẫn, tăng cường khối đoàn kết trong nội bộ nhân dân. Nhưng, nếu pháp luật hình sự quy định Điều 104 như hiện tại, có trường hợp gây thương tích cho nạn nhân chỉ 1% hoặc 2% đã bị truy tố và xét xử về tội cố ý gây thương tích là điều thực sự không nên, chỉ làm tăng thêm mâu thuẫn trong nội bộ quần chúng nhân dân. Tôi xin lấy ví dụ vụ án xảy ra tại Thái Bình như sau [27].

Hồi 08 giờ ngày 04/11/2010, khi Trụ đang làm ở nhà thì vợ là Nguyễn Thị Nhâm đi xe đạp về nhà và nói với Trụ là bị nhà sư chửi là đồ súc vật, súc sinh. Thấy vậy, Trụ liền dùng điện thoại di động báo cho ông Trần Văn Bằng là trưởng thôn Tăng Bông biết nhà sư chửi và lắng nghe vợ Trụ để ông Bằng ra giải quyết. Khoảng 05 phút sau ông Bằng đến nhà Trụ và nói "thôi được rồi, chú cứ bình tĩnh". Trụ nói "Thôi chú lên sau, tôi lên trước xem tình hình thế nào". Trụ vợ một ít dây buộc màu vàng bỏ vào túi đeo ở xe và đi xe mô tô ra chùa Thắng Quang. Tại chùa đã xảy ra xô xát giữa Vũ Xuân Trụ và Phạm

Xuân Đức, ông Đức đâm vào dưới tai bên trái nên Trụ đã cầm dép xỏ đế ở hiện nhà khách ném ông Đức nhưng không trúng. Sau đó Trụ chạy ra lấy một đoạn gậy tre dài 52cm, đường kính 0,3cm để ở túi treo ở xe mô tô của Trụ chạy đến vụt ông Đức nhưng ông Trần Đông Lương vào can ngăn nên đã bị Trụ vụt hai nhát, một nhát trượt cánh tay trái, một nhát trúng bàn tay bên phải. Đến 15 giờ 45 phút ngày 04/11/2010, Công an xã Tân Lập đến hiện trường lập biên bản sự việc để giải quyết và yêu cầu những người có mặt đến Ủy ban nhân dân xã giải quyết nhưng phía ông Đức, ông Lương không hợp tác để giải quyết.

Sau khi bị Vũ Xuân Trụ đánh, ông Lương không đi điều trị tại Bệnh viện. Đến ngày 17/11/2010, ông Lương ra trạm xá xã Tân Lập khám kiểm tra và về tự điều trị. Ngày 22/11/2010, Trung tâm pháp y Sở y tế kết luận: "Chấn thương phần mềm cánh tay trái và các ngón bàn tay phải do vật tày cứng gây nên, hiện còn đau ở các vùng bị thương, sưng nề ngón 1 tay phải và vận động ngón 1 hạn chế do đau, sức khỏe bị giảm sút do thương tích gây lên hiện tại là 2%".

Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nhận định bị cáo dùng hung khí nguy hiểm (mặc dù thương tích mà bị cáo gây ra cho người bị hại là 2%) nên phải bị truy tố và xét xử. Tòa án đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Xuân Trụ 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ về tội cố ý gây thương tích.

Khi vụ án trên được đưa ra xét xử, TAND huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình một mặt nhận được sự đồng tình của các cơ quan hữu quan về việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử là nhằm đảm bảo trật tự chính trị tại địa phương; một mặt có nhiều ý kiến cho rằng, tỷ lệ thương tích mà bị cáo gây ra mới chỉ là 2% nên việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử chỉ làm cho mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân càng tăng. Thù hận trong các gia đình bị cáo, bị hại càng lớn dẫn đến việc làm mất tinh thần đoàn kết trong tình làng nghĩa xóm.

* Điểm b khoản 1 Điều 104 BLHS 1999 quy định "gây cố tật nhẹ cho

nạn nhân" có nghĩa là: Nếu người nào gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà để lại cố tật nhẹ cho nạn nhân thì sẽ phải chịu TNHS.

- a) Thuộc khoản 1 nếu tỷ lệ thương tật dưới 11%;
- b) Thuộc khoản 2 nếu tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%;
- c) Thuộc khoản 3 nếu tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%.

Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" là hậu quả của hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân để lại trạng thái bất thường, không thể cứu chữa được cho một bộ phận cơ thể của nạn nhân với tỷ lệ thương tật dưới 11% khi thuộc các trường hợp: làm mất một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm mất chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm giảm chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân. Trong những trường hợp này, dù thương tích của nạn nhân dưới 11% thì người có hành vi gây thương tích vẫn bị truy tố và xét xử theo khoản 1 Điều 104 BLHS thì ai cũng có thể dễ dàng chấp nhận. Nhưng lấy tình tiết này để làm yếu tố định khung ở khoản 2 và khoản 3 đối với tỷ lệ thương tích nặng thì sẽ rất bất hợp lý.

Mặt khác, tại khoản 1 có quy định nếu tỉ lệ thương tật dưới 11% mà thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k của khoản đó thì người thực hiện hành vi phạm tội cố ý gây thương tích. Điều này có thể hiểu nếu gây thương tật từ 1% trở lên thì người thực hiện hành vi vẫn có tội. Thực tiễn cho thấy, khi tỉ lệ thương tật dưới 5% các cơ quan tiến hành tố tụng không truy tố và xét xử về tội phạm [34].

Ngoài ra, điều luật chỉ quy định tình tiết định khung "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" mà không quy định "gây cố tật nặng cho nạn nhân" như cụt 01 chân, cụt 01 tay, mù 01 mắt v.v... là chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ về tỷ lệ thương tật.

* Tại khoản 3 Điều 104 BLHS năm 1999 quy định khung hình phạt từ

05 năm đến 15 năm là quá dài dễ dẫn đến tùy tiện trong quá trình áp dụng. Việc quy định khoảng cách hình phạt quá rộng như vậy làm cho việc áp dụng khó chính xác, thậm chí dẫn tới việc áp dụng không công bằng giữa các trường hợp tương tự nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân người phạm tội.

Bây là, về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh quy định tại Điều 105 BLHS năm 1999. Về quy định này, có ý kiến cho rằng quy định bất hợp lý về khung hình phạt cho các hành vi nguy hiểm cho xã hội giữa Điều 105 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh) và Điều 95 (tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của BLHS là không hợp lý vì giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh Điều 95 chỉ phải chịu mức án tối đa là 3 năm trong khi đó gây thương tích cho 1 người theo điểm b khoản 1 Điều 105 có thể chịu mức hình phạt đến 5 năm.

Đánh giá nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót, vướng mắc trong xét xử các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ngoài nguyên nhân quy định của BLHS về vấn đề này chưa cụ thể, rõ ràng, còn nhiều bất cập như tác giả đã nêu phần trên thì còn một nguyên nhân nữa là những văn bản hướng dẫn dưới luật hướng dẫn áp dụng về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác không kịp thời, không đầy đủ, không chi tiết, trong khi tình hình tội phạm diễn biến ngày càng phức tạp nên các cơ quan tiến hành tố tụng gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong việc áp dụng, dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất. Ví dụ: Điểm i, khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999 quy định "có tính chất côn đồ" là tình tiết định khung hình phạt. Tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể nào là "tính chất côn đồ", do đó dẫn đến áp dụng không thống nhất. Bên cạnh đó các văn bản hướng dẫn về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại

cho sức khỏe của người khác chưa kịp thời và đồng bộ, có văn bản pháp luật đã hết hiệu lực nhưng vẫn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sử dụng (tham khảo) vì chưa có văn bản khác hướng dẫn thay thế. Tình hình này dẫn đến việc hiểu và áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa thống nhất, sự phối kết hợp giữa các cơ quan này còn chưa đồng bộ nên việc áp dụng vào thực tiễn càng gặp nhiều khó khăn.

2.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Một trong những nguyên nhân làm hạn chế hiệu quả của việc áp dụng pháp luật trong thực tiễn phải kể đến chính là hoạt động của những người tham gia tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng.

Đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán còn tùy tiện trong việc vận dụng quy định của pháp luật trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử dẫn đến hậu quả quá trình điều tra, truy tố chưa thực sự khách quan, còn tùy tiện trong việc khởi tố và truy tố. Trong giai đoạn xét xử còn có các Thẩm phán tùy tiện trong việc định tội và quyết định hình phạt xử quá nhẹ hoặc quá nặng, thậm chí còn nhiều trường hợp tùy tiện cho hưởng án treo.

Một nguyên nhân nữa là, những vướng mắc trong thực tiễn xét xử loại tội này còn chậm được hướng dẫn hoặc không phối hợp với các cơ quan hữu quan hướng dẫn thực hiện. Trong khi đó đội ngũ Thẩm phán còn non kém về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực xét xử; Công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trong những năm gần đây mặc dù đã được quan tâm đẩy mạnh nhưng cũng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đề ra. Mặt khác, chính sách khen thưởng, bồi dưỡng đối với cán bộ công tác trong ngành pháp luật chưa được coi trọng đúng mức; chế độ lương, chế độ thưởng, chế độ phụ cấp khác cho những người hoạt động trong ngành pháp luật còn thấp. Đây cũng là lý do để có thể vẫn còn tình trạng tiêu cực trong ngành bảo vệ pháp luật dẫn đến việc ra một bản án không công bằng, không đáp ứng được yêu cầu khách quan của vụ việc.

Tóm lại, những quy định của BLHS năm 1999 về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, trong đó có Điều 104: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, Điều 105: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, Điều 106: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Trong các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên cấu thành tội phạm có nhiều điểm giống nhau, có một số điểm khác nhau để phân biệt, định tội danh thành những tội khác nhau như: đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, chủ thể thực hiện hành vi phạm tội phải phải trong tình trạng kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với mình hoặc người thân thích làm cho người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiểm chế được hành vi phạm tội của mình. Đối với tội: Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, chủ thể thực hiện hành vi phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, phạm tội do động cơ phòng vệ chính đáng nhưng đã vượt qua giới hạn cho phép. Thực tiễn xét xử cho thấy có đến 80% các vụ án Cố ý gây thương tích có lỗi của hai bên bị cáo và bị hại, đánh giá ý chí chủ quan của người thực hiện hành vi phạm tội là điều không đơn giản đối với nhóm tội này. Các thông tư, nghị quyết hướng dẫn nhóm tội này còn nhiều mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập dẫn đến việc áp dụng pháp luật trong từng vụ án cụ thể gặp nhiều khó khăn. Việc đưa ra các bất cập, vướng mắc trong quá trình giải quyết các vụ án Cố ý gây thương tích là cơ sở để hoàn thiện các quy phạm pháp luật về nhóm tội này.

Chương 3

NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC ÁP DỤNG NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

Cũng như tất cả các nhóm tội các loại tội phạm khác được quy định trong BLHS các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác vẫn còn tồn tại những hạn chế, vướng mắc, có một số quy định, hướng dẫn không phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, cũng như việc áp dụng các quy định của pháp luật vào giải quyết những vụ án cụ thể đòi hỏi các nhà làm luật phải hoàn thiện quy định về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để việc áp dụng các quy định pháp luật có hiệu quả cao.

3.2. HOÀN THIỆN NHỮNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

Mục đích của bất kỳ Nhà nước tiến bộ nào khi xây dựng pháp luật đều mong muốn pháp luật đi vào cuộc sống. Nhà nước ta xác định xây dựng pháp luật bao gồm hoạt động xây dựng pháp luật, hoạt động áp dụng pháp luật, giáo dục ý thức pháp luật. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn để xây dựng pháp luật cho phù hợp cũng như đảm bảo việc áp dụng pháp luật có hiệu quả trên thực tế.

Qua nghiên cứu, phân tích, đánh giá các quy định pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong 06 năm

qua (2005-2010) cho thấy một số quy định của BLHS liên quan đến loại tội phạm này còn bất hợp lý và thiếu cụ thể. Do vậy, đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc áp dụng pháp luật vào hoạt động điều tra, truy tố và xét xử. Để nâng cao hiệu quả trong việc áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng bên cạnh việc tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc của Lãnh đạo TANDTC với TAND cấp dưới. Hàng năm TANDTC cần tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu cho Thẩm phán, HTND trong lĩnh vực xét xử về loại tội này nhằm nâng cao trình độ, năng lực của thẩm phán và Hội thẩm nhân dân để không những nâng cao hiểu biết chuyên môn nghiệp vụ của Thẩm phán và HTND mà còn nâng cao nhận thức về tình hình nghiêm trọng của loại án Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để từ đó khắc phục được xu hướng án treo quá nhiều đối với những loại tội phạm này trong thời gian vừa qua.

Song song với việc nâng cao trình độ, năng lực của thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, khi áp dụng pháp luật, ngành TAND phải đảm bảo áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong toàn ngành. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, TANDTC cần kịp thời ban hành các hướng dẫn cụ thể về đường lối xét xử các tội phạm hình sự nói chung và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Việc hướng dẫn nên rõ ràng, cụ thể và đề cập đến các vấn đề cấp thiết để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong tố tụng hình sự, đó là giải pháp của những nguyên nhân chủ quan. Về giải pháp của những nguyên nhân khách quan, chúng tôi đưa ra một số vấn đề cần sửa đổi bổ sung và giải thích các quy phạm pháp luật sau đây.

3.2.1. Bỏ quy định "khởi tố theo yêu cầu của người bị hại" đối với những vụ án về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Đối với hành vi cố ý gây thương tích, người phạm tội đã xâm phạm khách thể quan trọng đó là sức khỏe con người với hình thức lỗi cố ý. Mặt

khác, các hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thường diễn ra công khai, trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Điều 104 BLHS quy định tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên là tỷ lệ cần thiết để truy cứu TNHS. Tuy nhiên, có một số trường hợp tỷ lệ thương tật không đến 11% nhưng lại thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 thì hành vi đó vẫn bị truy cứu TNHS. Còn nếu tỷ lệ thương tật dưới 11%, không gây cố tật thì được coi là thương tích nhẹ, chưa phải chịu TNHS. Mặt khác theo quy định tại khoản 1 Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, thì các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ được khởi tố vụ án nếu người bị hại có đơn yêu cầu, trong đó có khoản 1 Điều 104 BLHS. Theo chúng tôi, quy định trên của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 là không hợp lý, bởi lẽ: Cũng theo như quy định của pháp luật, tội phạm chiếm đoạt tài sản, người phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 2.000.000đ trở lên thì đã bị khởi tố, truy tố và xét xử mà không cần phải có yêu cầu của người bị hại, trong khi đó tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, có trường hợp, người bị hại phải điều trị hết cả vài triệu đồng thì lại phải có đơn yêu cầu của người bị hại mới khởi tố, truy tố và xét xử? Chính điểm bất hợp lý này đã làm nảy sinh những sơ hở: Làm hạn chế tư tưởng tấn công tội phạm của các cơ quan bảo vệ pháp luật, bởi vì do pháp luật quy định như trên nên khi các vụ cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xảy ra thì việc điều tra, thu thập chứng cứ của lực lượng Công an thường không được tiến hành một cách kịp thời và đầy đủ, gây khó khăn cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, gây tổn kém về công sức và tiền của cho công tác điều tra khi vụ án bị đình chỉ; làm phát sinh các tiêu cực trong việc giải quyết dân sự như người bị hại yêu cầu bồi thường quá cao hoặc đối tượng phạm tội gây sức ép với gia đình người bị hại để rút đơn.

Từ những phân tích trên đây, chúng tôi đề nghị: Tại khoản 1 Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nên bỏ quy định khởi tố theo yêu cầu của

người bị hại đối với những vụ án về tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

3.2.2. Hoàn thiện quy định về dấu hiệu thuộc mặt khách quan cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Thứ nhất, tại khoản 1 Điều 104 BLHS quy định tỷ lệ thương tật dưới 11% nhưng thuộc các trường hợp từ điểm a đến điểm k thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Tuy nhiên lại không có một văn bản pháp luật nào hướng dẫn dưới 11% thì mức tối thiểu là bao nhiêu phần trăm. Từ đó đã tạo ra sự không thống nhất trong việc áp dụng pháp luật trong cả nước. Vì vậy theo quan điểm của chúng tôi, cần quy định cụ thể trong điều luật tỷ lệ thương tật dưới 11% nhưng phải là thương tích đáng kể từ 5% trở lên nếu thuộc một trong các trường hợp từ điểm a đến điểm k thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm...

Sở dĩ cần phải hạn chế ở thương tích 5% đến dưới 11% khi có một trong các tình tiết quy định tại điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104BLHS nhằm hạn chế những hành vi bị coi là tội phạm và phải trừng trị theo quy định của luật hình sự. Những hành vi gây thương tích khi có một trong các tình tiết quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS mà có tỷ lệ thương tật dưới 5% được coi là thương tích nhẹ và sẽ được giải quyết bằng các biện pháp khác như hành chính, dân sự v.v...

Tại điểm b khoản 1 "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" không nên dùng để làm tình tiết tăng nặng cho khoản 2 và khoản 3 Điều 104 BLHS (chúng tôi đã phân tích ở chương 2).

Thứ hai, sửa quy định dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người (điểm a khoản 1 Điều 104) thành "dùng vũ khí hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm gây nguy hại cho nhiều người".

Sở dĩ cần phải sửa như trên là vì đa phần những tội phạm gây thương tích cho người khác đều sử dụng hung khí để gây thương tích cho nạn nhân mà kết quả của việc sử dụng hung khí này để lại thương tích cho người bị hại thể hiện trên tỷ lệ % thương tích. Chúng tôi cho rằng phải căn cứ vào tỷ lệ % thương tích mà các bị cáo gây lên cho người bị hại để làm căn cứ truy tố và xét xử bị cáo mới đúng bản chất của hành vi không phụ thuộc vào bị cáo sử dụng hung khí gì. Ví dụ như trong thực tế xét xử các cơ quan tố tụng coi đoạn gãy cứng chắc là hung khí nguy hiểm nhưng người phạm tội chỉ dùng đoạn gãy này vụt vào chân người bị hại và để lại thương tích 1%. Nếu như theo quy định của pháp luật hiện hành thì họ đã phạm tội cố ý gây thương tích. (Điều này thực sự không cần thiết phải coi họ là tội phạm để trừng trị theo Luật hình sự). Theo chúng tôi, chỉ khi người phạm tội sử dụng vũ khí là loại có khả năng sát thương cao, gây nguy hại cho sức khỏe của người bị hại và có khả năng gây thương tích cho nhiều người thì mới coi là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt.

Thứ ba, đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác (Điều 104), tác giả đề xuất bỏ tình tiết "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" quy định tại điểm b khoản 1 vì phần thương tích do cố tật đã được tính vào phần trăm thương tật, đồng thời, bổ sung vào khoản 1 điều này tình tiết "phạm tội trong thời gian đang chấp hành án phạt tù". Đồng thời, nghiên cứu bổ sung thêm một số tình tiết tăng nặng TNHS (như: cố ý gây thương tích cho nhà báo; Ngoài ra, cần nghiên cứu quy định vấn đề xử lý đối với trường hợp người bị hại cố tình từ chối giám định thương tích để giúp bị cáo thoát tội.

3.2.3. Hoàn thiện quy định về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Hiện nay còn nhiều quan điểm khác nhau về độ tuổi chịu TNHS, quan điểm thứ nhất, đề nghị tăng độ tuổi chịu TNHS lên 15 hoặc 16 với lý do, mặc dù độ tuổi là điều kiện để xác định năng lực TNHS, nhưng nó cũng có tính

độc lập và là điều kiện thứ hai của chủ thể của tội phạm. Tính độc lập của độ tuổi thể hiện ở chỗ nó vừa là điều kiện để con người có năng lực TNHS lại vừa thể hiện chính sách hình sự và truyền thống lập pháp của mỗi quốc gia trong việc xử lý người chưa thành niên phạm tội. Do đó, xã hội càng phát triển thì độ tuổi chịu TNHS càng phải được nâng cao; Quan điểm thứ hai, đề nghị giảm độ tuổi chịu TNHS của người phạm tội xuống 12 tuổi hoặc 13 tuổi với lý do, kinh tế, xã hội càng phát triển thì năng lực nhận thức và điều khiển hành vi phù hợp với nhận thức của con người được hình thành sớm hơn so với trước.

Trong hai quan điểm trên, chúng tôi ủng hộ quan điểm thứ nhất nên tăng độ tuổi chịu TNHS vì mục tiêu hàng đầu của một xã hội phát triển là bảo vệ con người, hướng đến con người, việc giảm độ tuổi chịu TNHS sẽ không đạt được điều này. Việc tăng độ tuổi chịu TNHS sẽ đảm bảo nguyên tắc pháp chế, công bằng, nhân đạo của luật hình sự.

3.2.4. Hoàn thiện quy định về tình tiết định khung hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Quy định của pháp luật về việc định khung hình phạt trong tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác còn khá nhiều bất cập, gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật. Vì vậy cần thiết phải tiến hành sửa đổi, bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng sau đây.

3.2.4.1. Hoàn thiện quy định về tình tiết "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân"

Như trên chúng tôi đã phân tích, "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" có nghĩa là: Nếu người nào gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà để lại cố tật nhẹ cho nạn nhân thì sẽ phải chịu TNHS.

- a) Thuộc khoản 1 nếu tỷ lệ thương tật dưới 11%
- b) Thuộc khoản 2 nếu tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%
- c) Thuộc khoản 3 nếu tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%.

Tại Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TANDTC

hướng dẫn:

Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân là hậu quả của hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân để lại trạng thái bất thường, không thể cứu chữa được cho một bộ phận cơ thể của nạn nhân với tỷ lệ thương tật dưới 11% khi thuộc các trường hợp: làm mất một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm mất chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân [31].

Trong lý luận, cũng như thực tiễn áp dụng về tình tiết định khung tăng nặng "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" cho đến nay còn nhiều ý kiến tranh luận, trong trường hợp người phạm tội gây ra cố tật cho đối tượng bị xâm hại với tỷ lệ thương tích vĩnh viễn trên 11% có bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" hay không. Trong Hội nghị tổng kết ngành TAND, tại phần nêu những vướng mắc trong công tác xét xử, có Tòa án cho rằng, cố tật với tỷ lệ thương tật dưới 11% còn được áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" thì cố tật với tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên thì đương nhiên được áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này. Bởi vì nó tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nếu không áp dụng tình tiết "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" trong trường hợp này mới chỉ căn cứ vào câu chữ, không xét đến tinh thần của điều luật; Nhưng cũng có Tòa án nhận thức rằng, trường hợp người phạm tội gây ra cố tật cho đối tượng bị xâm hại, mà tỷ lệ thương tật trên 11% thì không thể coi là cố tật nhẹ được mà phải là cố tật nặng, do pháp luật chỉ quy định là gây cố tật nhẹ cho nạn nhân nên đối với trường hợp này không thể áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân được".

Chúng tôi ủng hộ quan điểm thứ hai bởi vì, nguyên văn điều luật quy định là "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân", mà người phạm tội gây ra cố tật với tỷ lệ thương tích vĩnh viễn từ 11% trở lên, không thể coi là cố tật nhẹ được do vậy không có căn cứ pháp luật để áp dụng tình tiết định khung tăng nặng đối

với trường hợp này.

Về việc có nên quy định tình tiết định khung tăng nặng "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" trong Điều 104 BLHS hay không cũng có nhiều quan điểm khác nhau. Quan điểm thứ nhất cho rằng, chỉ nên quy định tình tiết định khung tăng nặng "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" trong khoản 1, Điều 104 BLHS mà không nên quy định tại khoản 2, khoản 3 bởi vì, vết thương gây cố tật nặng là vết thương do tính chất nghiêm trọng của hành vi, nên khi giám định đã xác định tỷ lệ thương tật cao, tùy theo bộ phận bị cố tật mà tỷ lệ thương tật đã được đưa vào làm yếu tố định khung hình phạt nên nếu quy định thêm "có tỷ lệ thương tật nặng" là tình tiết định khung tăng nặng nữa thì dẫn đến sử dụng một tình tiết hai lần để làm yếu tố định khung hình phạt. Quan điểm thứ hai thì lại đề nghị nên bỏ quy định tình tiết định khung tăng nặng "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" trong quy định của tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe cho người khác trong BLHS vì các tình tiết khác còn lại đã bao trùm hết tình tiết này. Quan điểm thứ ba: nên sửa "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" thành "gây cố tật cho nạn nhân".

Theo chúng tôi, quan điểm thứ ba là hợp lý hơn cả, bởi vì nếu bỏ tình tiết "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" trong tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác sẽ không đảm bảo việc nghiêm trị người phạm tội. Bên cạnh đó trường hợp người phạm tội "gây cố tật cho nạn nhân" thể hiện sự nguy hiểm hơn hẳn các trường hợp phạm tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác thông thường, bởi vì tính chất thương tích trường hợp này hoàn toàn khác so với thương tích tạm thời.

Đối với quan điểm chỉ nên quy định tình tiết định khung "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" ở khoản 1, Điều 104 BLHS mà không nên quy định ở khoản 2, khoản 3, Điều 104 BLHS cũng không hợp lý bởi lẽ, tác giả luận văn cho rằng "*vết thương gây cố tật nặng là vết thương do tính chất nghiêm trọng của hành vi, nên khi giám định đã xác định tỷ lệ thương tật cao, tùy theo bộ*

phạm bị cố tật mà tỷ lệ thương tật đã được đưa vào làm yếu tố định khung hình phạt" là chưa chính xác vì tình tiết định khung tăng nặng "gây cố tật cho nạn nhân" hướng đến tính chất, hậu quả của thương tích đó, mà thương tích vĩnh viễn khác thương tích tạm thời.

Từ những phân tích, đánh giá trên, chúng tôi kiến nghị sửa đổi tình tiết định khung tăng nặng "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" thành "*gây cố tật cho nạn nhân*" đảm bảo được khả năng bao trùm, cũng như thể hiện được quan điểm của Nhà nước nghiêm trị người phạm tội có hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, mà hậu quả gây ra cố tật cho nạn nhân.

3.2.4.2. Hoàn thiện quy định về tình tiết "cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe đối với người già yếu"

Khái niệm "người già yếu" là khái niệm mang tính định tính, không rõ ràng sẽ dẫn tới việc hiểu, áp dụng không thống nhất trong thực tế.

Do vậy theo quan điểm của chúng tôi, chỉ nên quy định là: "*cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe đối với người già*" (*người già từ 70 tuổi trở lên*). Bởi vì theo y học, khi cơ thể con người từ 70 tuổi trở lên, các bộ phận cơ thể đã lão hóa, hoạt động kém hiệu quả, việc trao đổi chất và tái tạo tế bào diễn ra chậm do vậy khi người phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho đối tượng này rất nguy hiểm vì khả năng phục hồi của họ là chậm chạp.

3.2.4.3. Hoàn thiện quy định về tình tiết "phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người"

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 BLHS sẽ là tình tiết cấu thành tội phạm ở khoản 1 hoặc là tình tiết định khung hình phạt theo khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 104 BLHS. Nếu thuộc trường hợp: "Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người". Vấn đề trước hết là cách hiểu quy định này như thế nào? Thực tiễn cho thấy còn có những ý kiến khác

nhau trong trường hợp một người có hành vi gây thương tích một lần nhưng cho nhiều người.

Ví dụ: Vụ án xảy ra tại Hưng Yên vào ngày 27.01.2010, Lê Thế Phúc trú tại Trung Dũng - Tiên Lữ do làm ăn thua lỗ đã cầm một con dao phay chuôi sắt và một con dao nhọn chuôi gỗ, rồi mỗi tay Phúc cầm một dao đi bộ theo đường 203A với ý định thấy nhà nào gần đường có điện sáng là vào chém người. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Phúc vào nhà chị Bưởi, thấy chị đang ngồi giặt quần áo, Phúc đi vào tay phải cầm dao phay chém một nhát vào vùng bên phải mặt chị Bưởi làm chị Bưởi bị thương. Sau đó Phúc đi sang nhà chị Nguyễn thị Hằng ở nhà đối diện, thấy cháu Nguyễn Minh Học là con trai chị Hằng đang đứng trước cửa, tay trái Phúc cầm dao chém một nhát vào đầu cháu Học, nghe tiếng cháu Học kêu, chị Hằng từ trong nhà chạy ra thì bị Phúc hai tay cầm hai con dao chém liên tiếp vào người chị Hằng, trong đó có một nhát vào vùng bên phải mặt và ba nhát dao chém vào cẳng tay trái của chị Hằng, chị Hằng kêu cứu, Phúc chạy ra ngoài đường. Nghe tiếng kêu cứu của chị Hằng, anh Nguyễn Văn Tú nhà gần đó chạy ra đường thì bị Phúc chém một nhát vào gáy. Sau đó Phúc đến gọi cửa nhà chị Bùi Thị Huyền, chị Huyền ra mở cửa liền bị Phúc cầm dao đâm một nhát vào bụng nhưng chị Huyền đã cúi xuống được nên chỉ bị thương nhẹ. Phúc xông vào nhà anh Phạm Văn Huyền là chồng chị Huyền và anh Bùi Văn Thế đang ngồi ăn cơm, tay trái Phúc cầm dao đâm một nhát vào trán anh Thế, anh Thế bỏ chạy ra ngoài. Phúc quay sang hai tay cầm hai con dao chém liên tiếp vào hai vai và tay anh Huyền. Anh Huyền bỏ chạy ra ngoài đường kêu cứu, Phúc cũng đuổi theo. Chị Nguyễn Thị Cóm nhà gần đó nghe thấy tiếng kêu chạy ra thì bị Phúc chém sượt hai nhát vào lưng và vai bên phải. Chị Cóm chạy về nhà, Phúc đuổi theo, thấy anh Bùi Đình Tuấn là chồng chị Cóm, Phúc xông vào chém anh Tuấn, anh Tuấn bê bàn gỗ vừa chống đỡ, vừa đẩy Phúc ra ngoài đường. Cùng lúc đó anh Bùi Minh Thắng đi xe mô tô qua, Phúc nhảy lên ngồi sau xe của

anh Thắng, Phúc chém một nhát vào lưng anh Thắng rồi Phúc xuống xe và bị bắt.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 26, 27, 28 và 30 ngày 12/3/2010 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên đã kết luận: Chị Nguyễn Thị Bưởi, tỷ lệ tổn hại sức khỏe bị giảm do thương tích gây nên là 16%. Cháu Nguyễn Minh Học tỷ lệ tổn hại sức khỏe bị giảm do thương tích gây nên là 12%. Chị Nguyễn Thị Hằng tỷ lệ tổn hại sức khỏe bị giảm do thương tích gây nên là 11%. Chị Huyền, anh Thế, anh Huyện, chị Cóm và anh Thắng bị thương nhẹ, khước từ giám định và không yêu cầu Phúc phải bồi thường.

Trở lại vấn đề trên cũng như hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này, cách hiểu thứ nhất cho rằng đây là chỉ là "phạm tội đối với nhiều người" chứ không phải "phạm tội nhiều lần đối với nhiều người". Cách hiểu thứ hai cho rằng tham khảo Điều 93 BLHS cần hiểu quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 BLHS bao gồm ba loại trường hợp như sau: *Thứ nhất* là phạm tội nhiều lần đối với một người; *thứ hai* là phạm tội nhiều lần đối với nhiều người (có thể mỗi lần đối với một người, có thể có lần đối với hai người trở lên, có lần đối với một người); *thứ ba* là phạm tội (có thể là một lần) đối với nhiều người.

Căn cứ vào tính chất nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm này, chúng tôi đồng ý với quan điểm của Tòa hình sự TANDTC, cho rằng cách hiểu thứ hai là đúng.

Bên cạnh đó, chúng tôi đồng ý với cách quy định và hướng dẫn tại nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS, như vậy mới đảm bảo việc không bỏ lọt tội phạm, đảm bảo mục đích đấu tranh, phòng, chống tội phạm, cũng như tinh thần của điều luật. Do vậy cần sửa đổi điểm c, khoản 1, Điều 104 BLHS như sau: "*Có ý gây*

thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe nhiều lần đối với một người hoặc đối với nhiều người".

3.2.4.4. Hoàn thiện quy định về tình tiết "cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe đối với thầy cô giáo của mình"

Theo quy định của pháp luật chỉ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này nếu thỏa mãn hai điều kiện: 1) Nạn nhân phải là thầy giáo, cô giáo tức là người đã hoặc đang làm công tác giảng dạy theo biên chế hoặc theo hợp đồng tại cơ quan, tổ chức, có chức năng giáo dục, đào tạo, dạy nghề được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; 2) Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân là vì lý do thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, dạy nghề của họ đối với bị cáo, không phân biệt nhiệm vụ đó đã được thực hiện hay đang được thực hiện và không kể thời gian dài hay ngắn. Tuy nhiên quy định của pháp luật như vậy cũng chưa thật chặt chẽ và hợp lý bởi vì, nếu theo quy định pháp luật thì nạn nhân là thầy cô giáo đã hoặc đang làm công tác giảng dạy... như vậy đối với những người không trực tiếp làm công tác giảng dạy mà gián tiếp làm chức năng giáo dục như: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng... thì sẽ không áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này. Tôi đồng ý với tác giả Đỗ Đức Hồng Hà về điều kiện áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "đối với thầy giáo, cô giáo của mình" chỉ áp dụng khi thỏa mãn ba điều kiện: 1) nạn nhân phải là người làm việc trong cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận, theo hợp đồng hoặc theo biên chế; 2) nạn nhân đã hoặc đang trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện chức năng giáo dục, đào tạo, dạy nghề cho người phạm tội; 3) Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân là vì lý do thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, dạy nghề của họ đối với bị cáo, không phân biệt nhiệm vụ đó đã được thực hiện hay đang được thực hiện và không kể thời gian dài hay ngắn.

3.2.4.5. Hoàn thiện quy định về tình tiết "cố ý gây thương tích hoặc

gây tổn hại cho sức khỏe của đối với người nuôi dưỡng mình"

Đây là tình tiết mới được quy định trong BLHS nên trên thực tế còn nhiều quan điểm khác nhau về việc áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này. Quan điểm thứ nhất cho rằng, chỉ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này nếu thỏa mãn hai điều kiện: 1) Nạn nhân là người đã hoặc đang nuôi dưỡng người phạm tội; 2) Quan hệ nuôi dưỡng phải được pháp luật thừa nhận; Quan điểm thứ hai cho rằng, chỉ cần thực người phạm tội có hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người đã hoặc đang nuôi dưỡng mình, dù quan hệ đó có được pháp luật thừa nhận hay không.

Theo chúng tôi, cả hai quan điểm trên cũng chưa thực sự hợp lý, bởi lẽ các quan điểm trên chưa xét tới thời gian nuôi dưỡng. Nếu nạn nhân chỉ nuôi dưỡng người phạm tội có vài ngày thì có thể áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này hay không? Do vậy theo quan điểm của chúng tôi, chỉ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "*cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe đối với người nuôi dưỡng của mình*" nếu thỏa mãn ba điều kiện: 1) Nạn nhân là người đã hoặc đang nuôi dưỡng người phạm tội; 2) Quan hệ nuôi dưỡng phải được pháp luật thừa nhận; 3) Việc nuôi dưỡng phải được thực hiện trong một khoảng thời gian hợp lý (cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần nghiên cứu để xác định khoảng thời gian cụ thể là bao nhiêu năm).

3.2.4.6. Bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng mới

Trở lại vụ án Huỳnh Thanh Giang - Mã Ngọc Thơm cố ý gây ra thương tích cho cháu Hào Anh.

Nội dung vụ án như đã nêu ở trên, vợ chồng Huỳnh Thanh Giang - Mã Ngọc Thơm đã có những hành vi vô nhân tính liên tục trong vòng bốn năm như: đánh rồi dội nước, nung sắt đỏ "*sâm*" vào người, còng tay chân vào sàn nhà, lấy bàn ủi nóng ủi vào lưng, dùng kim bẻ răng, hút môi, lấy ổ khóa cửa đập vào mũi làm gãy sống mũi, dùng đôi đũa sắt chọc vào mắt phải, lấy búa đóng đinh đập thẳng tay vào đầu gối, dùng bàn ủi nóng ấn vào người, kim bẻ

răng, nung sắt nóng ấn vào bộ phận sinh dục. Tháng 4/2010, khi những vết bỏng do bị tạt nước sôi chưa lành, Hào Anh bị Giang và hai người làm công trói, nhét bông gòn vào miệng, dán kín băng keo rồi dùng formol đổ vào những vết thương của Hào Anh. Thấy chưa "đã", Thom còn nghĩ ra cách khó tin khác là dùng dao lam rạch vào lưng Hào Anh rồi mới đổ formol lên... Theo kết luận giám định pháp y các vết thương trên người Hào Anh gồm: vết sẹo dài ngang mặt, qua sống mũi, ảnh hưởng đến thẩm mỹ là 15%; gãy, sập xương mũi là 25%; viêm xoang hàm hai bên sau chấn thương là 15%; năm chiếc răng bị mất do dùng kim bẻ, dùng cây đập, nay là 10%; vết sẹo bỏng bên ngực phải và ngực trái do bị tạt nước sôi là 20% và tổng các vết sẹo phần mềm trên cơ thể còn đau, tê, rát... là 15%. Cơ quan pháp y đã áp dụng luật cộng lùi, xác định mức độ tổn hại sức khỏe Hào Anh tại thời điểm giám định (03/5/2010) là 66,83%. Vụ án đã được đưa ra xét xử sơ thẩm và phúc thẩm Bản án tuyên vợ chồng Huỳnh Thanh Giang - Mã Ngọc Thom mỗi người 23 năm tù vì tội "cố ý gây thương tích" và "hành hạ người khác"

Qua vụ án trên tôi thấy, mức hình phạt Tòa án dành cho vợ chồng Giang-Thom là phù hợp, nhưng quy định của pháp luật thì vẫn chưa thực sự phù hợp với tình hình xã hội bởi lẽ, vợ chồng bị cáo Huỳnh Thanh Giang - Mã Ngọc Thom đã có những hành vi dã man: dùng kim bẻ răng, dùng thanh sắt đỏ "đâm" vào người bé Hào Anh, dùng dao lam rạch vào lưng rồi đổ formol,... những hành vi trên thể hiện sự vô nhân tính, mất hết nhân tính con người do vậy những hành vi vô nhân tính trên cần thiết phải được quy định là tình tiết định khung tăng nặng, nhưng theo quy định tại Điều 104 BLHS thì không có tình tiết định khung tăng nặng nào để trừng trị hành vi nói trên. Bởi vậy chúng tôi kiến nghị bổ sung tình tiết định khung tăng nặng "thực hiện tội phạm một cách man rợ" trong Điều 104 BLHS Việt Nam.

Cũng qua vụ án trên thấy được kết luận giám định pháp y ghi tỷ lệ thương tật là 66,83% nhưng bản cáo trạng lại ghi là 67%. Pháp luật hiện hành

quy định tỷ lệ thương tích là tỷ lệ "tròn" nhưng các biên bản giám định lại thường ghi tỷ lệ thương tật "lẻ" qua đó thấy được sự không ăn khớp giữa quy định của pháp luật và kết luận giám định pháp y gây khó khăn trong hoạt động xét xử. Theo tác giả cần thiết phải có quy định hướng dẫn phù hợp theo hướng: Kết luận giám định pháp y ghi kết luận tỷ lệ thương tích "tròn" để thống nhất giữa chứng cứ và bản cáo trạng.

Ngoài ra trên thực tế nhiều trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác vì rất nhiều lý do khác nhau, không chỉ vì lợi ích vật chất. Ví dụ: Cô A ra điều kiện cho anh B phải gây thương tích cho cô C, thì cô A sẽ "lên giường" với anh B. Anh B thực hiện hành vi gây thương tích cho cô C không phải vì lợi ích vật chất mà và để được "lên giường" với cô A. Do vậy sẽ không thể áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "thuê gây thương tích" với anh B được, mà xét về hành vi, yếu tố động cơ, lỗi của anh B thể hiện sự đê hèn, bán đứng giá trị đạo đức, cần phải lên án và trừng trị một cách thích đáng. Tuy nhiên Điều 104 BLHS không có quy định nào khác có thể áp dụng được trong tình huống này, bởi vậy theo chúng tôi để khắc phục các trường hợp trên cần thiết phải bổ sung thêm tình tiết định khung tăng nặng "*vì động cơ đê hèn*".

Tình tiết định khung tăng nặng "trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác" là một trong những tình tiết định khung tăng nặng phức tạp đến nay vẫn còn rất nhiều các quan điểm khác nhau về việc hiểu như thế nào là trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác. Do vậy việc hiểu và áp dụng pháp luật về tình tiết này vẫn chưa được thống nhất trong phạm vi cả nước. Do vậy chúng tôi kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn tình tiết định khung tăng nặng này.

3.2.5. Hoàn thiện quy định về hình phạt và quyết định hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước

nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong BLHS và do Tòa án quyết định.

Nghiên cứu Điều 26 của BLHS chúng tôi thấy, khái niệm hình phạt chưa đáp ứng được nhu cầu lập pháp vì đã biến nội dung của hình phạt thành mục đích của hình phạt. Việc tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của người phạm tội chính là nội dung hình phạt, là sự trừng trị của Nhà nước đối với người phạm tội, nhưng điều luật sử dụng từ "nhằm" đã biến nội dung thành mục đích của hình phạt. Vì vậy, với quan điểm mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với tội phạm, tôi đề xuất quy định khái niệm hình phạt tại Điều 26 như sau:

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước, được quy định trong luật và do Tòa án quyết định, tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội nhằm giáo dục người phạm tội và phòng ngừa chung.

Quyết định hình phạt đối với người phạm tội là một giai đoạn, một nội dung của hoạt động áp dụng pháp luật thể hiện ở việc Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong BLHS theo trình tự thủ tục nhất định để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong quyết định, bản án.

Quyết định hình phạt là giai đoạn chiếm vị trí quan trọng trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự, nội dung của quyết định hình phạt thể hiện ở việc Tòa án lựa chọn một trong những loại hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (khoản nào của điều luật) và ấn định hình phạt cụ thể.

Để quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ tại Điều 45 của BLHS. Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được phép xác định loại và khung hình phạt; các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHS, nhân thân người phạm tội cho phép xác định mức độ hình phạt cần áp dụng cụ thể tương xứng với hành vi phạm tội.

Trên thực tế xét xử, việc xác định loại hay khung hình phạt không gặp nhiều khó khăn. Vấn đề đặt ra là cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với từng hành vi phạm tội có sự khác nhau và bản thân mức độ

tăng nặng, giảm nhẹ của các tình tiết cũng khác nhau.

Áp dụng quy định về hình phạt và áp quyết định hình phạt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Theo chúng tôi, cần bổ sung nội dung này theo hướng:

Tăng hình phạt của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104) lên cao hơn tội hủy hoại tài sản (Điều 143), bởi lẽ khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (là quan hệ nhân thân) quan trọng hơn khách thể của tội hủy hoại tài sản (là quan hệ sở hữu), đồng thời quy định thêm hình phạt bổ sung vào tội này; cụ thể như sau:

Bảng 3.1: Đề xuất hình phạt về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại Điều 104 so với Điều 143 BLHS

Điều 104. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (cũ)	Điều 104. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (mới)	Điều 143. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (cũ)
1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến <u>ba năm</u> :	1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng <u>đến bốn năm</u> :	1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác gây thiệt hại từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ

<p>2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp qui định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến <u>bảy năm</u>.</p> <p>3. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60%, nhưng thuộc một trong các trường hợp qui định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ năm năm đến <u>mười lăm năm</u>.</p> <p>4. Phạm tội dẫn đến chết nhiều người hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ <u>mười năm</u> đến hai mươi năm hoặc tù chung thân.</p>	<p>2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp qui định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ <u>ba năm đến tám năm</u>.</p> <p>3. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60%, nhưng thuộc một trong các trường hợp qui định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ <u>tám năm đến mười sáu năm</u>.</p> <p>4. Phạm tội dẫn đến chết nhiều người hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ <u>mười ba năm</u> đến hai mươi năm hoặc tù chung thân.</p> <p><u>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ hai mươi triệu</u></p>	<p>đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến <u>ba năm</u>.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến <u>bảy năm</u>:</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến <u>mười lăm năm</u>:</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ <u>mười hai năm</u> đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu</p>
--	--	--

	<u>đồng đến một trăm năm mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.</u>	đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.
--	---	---

Nguồn: Tác giả luận văn.

Trên đây là những phương hướng hoàn thiện quy định của pháp luật về việc tình tiết định tội, định khung, về hình phạt và quyết định hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Chúng tôi cho rằng, ngoài việc hoàn thiện các quy định pháp luật trong các tình tiết của Điều luật, bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng mới. Trong quá trình nghiên cứu và tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng, các nhà làm luật Việt Nam cũng cần tham khảo, tiếp thu những tinh hoa pháp luật tiên tiến trên thế giới để vận dụng cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước. Ví dụ, việc phân chia tội "gây tổn hại cho sức khỏe" của BLHS Liên bang Nga được chia ở những mức độ khác nhau như "tổn hại nặng", "tổn hại nặng, vừa" và "tổn hại nhẹ". Ngoài việc phân chia BLHS của Liên bang Nga còn nêu rõ khái niệm của những thuật ngữ trên và có sự giải thích chi tiết các thuật ngữ đó. Điều này đã tạo ra những thuận lợi nhất định cho việc áp dụng pháp luật. Thiết nghĩ, trong BLHS Việt Nam cũng cần quy định và giải thích rõ những mức độ gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác như BLHS của Liên bang Nga sẽ giúp những người tiến hành tố tụng vận dụng một cách khách quan và chính xác trong quá trình tiến hành tố tụng.

Theo quy định của BLHS Nhật Bản, bên cạnh những quy định chung về tội cố ý gây thương tích; cố ý gây thương tích dẫn đến chết người, BLHS Nhật Bản còn có những quy định điều chỉnh cả những hành vi chuẩn bị phạm

tội như tụ tập trái phép có sử dụng vũ khí, hành vi dùng bạo lực... Ngoài ra BLHS Nhật Bản còn quy định hình phạt tiền kể cả đối với người phạm tội và người khuyến khích người phạm tội, với người dùng vũ lực mà không gây thương tích cho người bị hại... Trong khi đó, Điều 104 BLHS 1999 của Việt Nam vẫn chưa bao quát hết các trường hợp cần phải xử lý hình sự, chưa xử lý triệt để các hành vi xâm hại thân thể, sức khỏe của người khác, ví dụ: những hành vi gây thương tích cho người khác nhưng tỷ lệ thương tật của người bị hại chưa đủ 11% và không thuộc một trong các điểm từ a đến điểm k khoản 1 Điều 104 thì không cấu thành tội phạm. Như vậy, vô hình chung, những hành vi rõ ràng là trái pháp luật đã xâm phạm khách thể được Luật hình sự bảo vệ nhưng lại không bị xử lý về hình sự. Hoặc những hành vi chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội nhưng chưa gây ra hậu quả lớn mà không bị xử lý sẽ ảnh hưởng đến ý thức pháp luật của người dân. Chúng tôi thiết nghĩ, nếu như chúng ta có những quy định cụ thể về tất cả các hành vi xâm hại đến thân thể người khác (dù chưa gây ra hậu quả gì); Hoặc trong BLHS quy định cụ thể rành mạch về các hành vi cố ý gây thương tích như quy định tại BLHS của Nhật Bản sẽ nâng cao chất lượng xét xử của ngành TAND về loại tội phạm này và có nhiều khả năng những vụ cố ý gây thương tích sẽ giảm đi.

3.3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC ÁP DỤNG NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TÔN HẠI SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

3.3.1. Tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật

Trong những năm qua công tác giải thích và hướng dẫn pháp luật đã được nhiều cơ quan, nhiều cấp nhiều ngành quan tâm để giải quyết những khó khăn vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật. Việc giải thích hướng dẫn áp dụng pháp luật đã được TANDTC quan tâm, đã có nhiều nghị quyết hướng dẫn các quy định của pháp luật trong đó có hướng dẫn việc áp dụng đối với các tội cố ý gây thương tích. Hàng năm TANDTC đã tập hợp ban hành tập tài liệu

thống kê nội dung các vụ án TANDTC, Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị Giám đốc thẩm, Tái thẩm, các vụ án đã bị hủy để điều tra bổ sung nêu nguyên nhân thiếu sót, tổng kết rút kinh nghiệm chung cho cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử. Viện kiểm sát nhân dân tối cao thường xuyên ban hành những thông báo rút kinh nghiệm những vụ án điều tra không đầy đủ chứng cứ, đánh giá chứng cứ không chính xác, định tội danh sai, những vụ án vi phạm tố tụng trong đó có nhiều vụ liên quan đến các tội cố ý gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để rút kinh nghiệm chung cho toàn ngành. Đây chính là cách giải thích, hướng dẫn rút kinh nghiệm rất hiệu quả.

Hàng năm, Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát đều tổ chức các lớp tập huấn về các chương trong BLHS, trong đó có các tội cố ý gây thương tích. Thông qua công tác tập huấn, cán bộ, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán được tiếp thu hướng dẫn các quy định mới để thực hiện tốt công việc được giao.

3.3.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong đó có việc tuyên truyền cho quần chúng nhân dân không vi phạm pháp luật, không phạm các tội cố ý gây thương tích trong những năm qua được quan tâm. Hàng tháng, hàng ngày báo chí, truyền hình đều đưa tin những vụ án lớn, nghiêm trọng để cảnh giác quần chúng nhân dân cảnh giác bảo vệ mình. Công tác tuyên truyền được phát động đến từng tổ, thôn, xóm, giáo dục tình làng nghĩa xóm, học sinh các cấp được giáo dục không gây gổ đánh nhau, không vi phạm pháp luật. Đặc điểm của các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác, đối tượng đánh và người bị đánh thường là có quan hệ với nhau, rượu chè không làm chủ bản thân, để hạn chế nhóm tội này cần giáo dục tuyên truyền sự tương thân, tương ái, đoàn kết anh em, không uống bia rượu, sống lành mạnh.

Trong phần nâng cao hiệu quả việc áp dụng những quy định của BLHS năm 1999 về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức

khỏe của người khác, tác giả đã mạnh dạn đưa vào những quan điểm như bỏ quy định khởi tố theo yêu cầu của bị hại đối với nhóm tội này, hoàn thiện hướng dẫn tình tiết định khung: gây cố tật nhẹ cho nạn nhân cùng một số tình tiết khác, bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng mới, phương hướng hoàn thiện về hình phạt đối với nhóm tội trên... Tác giả hy vọng những đóng góp trên có ý nghĩa trong việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về các tội cố ý gây thương tích trong luật hình sự Việt Nam.

KẾT LUẬN

Dân tộc Việt Nam qua bốn nghìn năm dựng và giữ nước đã để lại cho thế hệ sau nhiều di sản quý báu. Trong đó, những thành tựu và kinh nghiệm lập pháp hình sự là một trong những di sản quý báu nhất, đầy tính sáng tạo và đa dạng, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của dân tộc Việt Nam. Các triều đại phong kiến của Việt Nam trước đây cho đến trước khi ban hành BLHS 1985 trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước đã không ngừng ban hành các văn bản pháp luật hình sự nhằm bảo vệ và duy trì chế độ độc lập, tự chủ và chống các thế lực thù địch. Điều này là những cơ sở khách quan khiến pháp luật hình sự Việt Nam không ngừng được hoàn thiện.

Hiện nay, chúng ta đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập với nền kinh tế thế giới và khu vực, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Vì vậy, việc bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của con người cũng như việc đấu tranh phòng, chống mọi hành vi xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người luôn luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm đặc biệt. Đó cũng là nhiệm vụ hàng đầu của pháp luật hình sự Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nằm trong nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người, đồng thời kết hợp với việc nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về loại tội này, chúng tôi có một số kết luận sau:

Các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong luật hình sự Việt Nam đã có lịch sử phát triển tương đối dài gắn liền với những mốc son lịch sử của pháp luật hình sự. Về cơ bản, quy định của pháp luật hình sự từ chỗ rất đơn giản, sơ khai, không bài bản, thì nay đã thành một hệ thống các văn bản pháp luật ngày một hoàn chỉnh hơn, quy định đã rõ ràng và có sự phân hóa cao về mức độ hình sự. Tuy nhiên, qua nghiên

cứu, phân tích những vấn đề lý luận về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong BLHS 1999 cũng như thực tiễn xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam, chúng tôi thấy rằng: Hòa chung với cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Ngành TAND đã khắc phục mọi khó khăn và hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của ngành góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước. Trước diễn biến tình hình tội phạm vẫn diễn ra hàng ngày với tính chất phức tạp và nghiêm trọng, trong những năm qua (2009 - 2013) toàn ngành TAND đã tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các vụ án - đặc biệt là các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có tính chất ổ nhóm, xã hội đen, đâm thuê chém mướn v.v..., đảm bảo thời hạn xét xử theo quy định của pháp luật, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm... Tuy nhiên, trên thực tế, việc xét xử oan vẫn xảy ra dù số lượng rất nhỏ, do định tội danh chưa chính xác, do không làm rõ dấu hiệu pháp lý cũng như hành vi khách quan của tội phạm, bởi vì, như trên chúng tôi đã đề cập, nhiều loại tội phạm có hành vi khách quan tương tự tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nên dấu hiệu pháp lý của nó cũng tương tự như nhau... Đặc biệt, trong thực tiễn áp dụng hình phạt đối với loại tội phạm này, Tòa án đã áp dụng hình phạt nhẹ hơn so với tính chất, mức độ, hành vi của tội phạm; áp dụng không đúng điều khoản theo quy định của BLHS... Vì vậy, việc nghiên cứu đưa ra những đặc trưng và các dấu hiệu pháp lý của các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; quá trình áp dụng pháp luật trong thực tiễn xét xử; những hạn chế, thiếu sót, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật để xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác - nguyên nhân

và các biện pháp khắc phục có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong quá trình học tập và công tác của mình. Luận văn cũng đưa ra được một số kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung và giải thích một số quy phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhằm hoàn thiện pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng xét xử về loại tội phạm này trong hoạt động xét xử của ngành TAND, cũng như góp phần nhỏ bé vào công cuộc cải cách pháp luật ở nước ta hiện nay.

Tóm lại, việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là vấn đề rộng lớn và còn mới mẻ, cần phải có nhiều thời gian và công sức nghiên cứu mới thấu đáo được. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã có nhiều cố gắng, nhưng khả năng và điều kiện nghiên cứu có hạn, chắc chắn luận văn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Rất mong được sự đóng góp ý kiến bổ sung của các thầy giáo để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Beo (2009), *Luật hình sự Việt Nam - Quyển 1 (Phần chung)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Lê Cẩm (Chủ biên) (2001), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. (Tái bản năm 2007).
3. Lê Cẩm (Chủ biên) (2003), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Lê Văn Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Đạm (1999), *Từ điển Tiếng Việt - Từ giải và liên tưởng*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
10. Nguyễn Ngọc Điệp, Đinh Thị Ngọc Dung (1996), *900 thuật ngữ pháp lý Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Đinh Bích Hà (2007), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
12. Trần Thị Hiền (2011), *Bộ luật hình sự Nhật Bản*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

13. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (1999), "Thuật ngữ Luật hình sự", Trong sách: *Từ điển Giải thích thuật ngữ Luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
14. Đinh Văn Quế (2002), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự (Phần các tội phạm)*, tập 1 Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, (Bình luận chuyên sâu), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh
15. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
16. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
17. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
18. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
19. Quốc hội (1999), *Nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21/10 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
20. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
21. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
22. Quốc hội (2011), *Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
23. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
24. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Tòa án nhân dân quận Hải An - Hải Phòng (2000 - 2013), *Một số bản án về tội cố ý gây thương tích*, (Tập tài liệu lưu trữ), Hải Phòng.
26. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (2000 - 2013), *Một số bản án về tội cố ý gây thương tích*, (Tập tài liệu lưu trữ), Phú Thọ.
27. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình (2000 - 2013), *Một số bản án về tội cố ý gây thương tích*, (Tập tài liệu lưu trữ), Thái Bình.
28. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Hà Nội.
29. Tòa án nhân dân tối cao (1990), *Các văn bản về hình sự, dân sự và tố tụng*, Hà Nội.
30. Tòa án nhân dân tối cao (1992), *Các văn bản về hình sự, dân sự, tố tụng dân sự*, Hà Nội.

31. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
32. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự hướng dẫn rõ tình tiết "phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người"*, Hà Nội.
33. Tòa án nhân dân tối cao (2009-2013), *Thống kê tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
34. Tòa án nhân dân tối cao (2009-2013), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
35. Tòa án nhân dân tối cao - Ủy ban Châu Âu, (2008), *Tài liệu tập huấn về thi hành Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự*, (Dự án hỗ trợ thể chế cho Việt Nam), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
36. Trường Đại học Luật Hà Nội (2000), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần riêng)*, Nxb Đại học Công an nhân dân, Hà Nội.
37. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên bang Nga*, (Bản dịch), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
38. Đào Trí Úc (Chủ biên) (1995), *Tội phạm học, luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Phùng Thế Vác, Trần Văn Luyện, Phạm Thanh Bình, Nguyễn Đức Mai, Nguyễn Sĩ Đại, Nguyễn Mai Bộ (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.